

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG THCS CHÁNH HƯNG

NỘI DUNG KIẾN THỨC KHỐI 8 - TUẦN 8+9

TOÁN KHỐI 8 TUẦN 8

MÔN: ĐẠI SỐ. KHỐI 8

NỘI DUNG	NỘI DUNG GHI BẢNG CỦA HỌC SINH
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp: 8	LUYỆN TẬP
Hoạt động 1: Khám phá bài học mới – Ví dụ	Baøi taäp 54 trang 25 SGK. Phân tích đa thức sau thành nhân tử a) $x^3 + 2x^2y + xy^2 - 9x$ $= x(x^2 + 2xy + y^2 - 9)$ $= x[(x + y)^2 - 3^2]$ $= x(x + y + 3)(x + y - 3)$ b) $2x - 2y - x^2 + 2xy - y^2$ $= (2x - 2y) - (x^2 - 2xy + y^2)$ $= 2(x - y) - (x - y)^2$ $= (x - y)(2 - x + y)$ c) $x^4 - 2x^2 = x^2(x^2 - 2)$ $= x^2 \left(x^2 - (\sqrt{2})^2 \right)$ $= x^2(x + \sqrt{2})(x - \sqrt{2})$ Baøi taäp 55 trang 25 SGK. Tìm x a) $x^3 - \frac{1}{4}x = 0$ $x(x^2 - \frac{1}{4}) = 0$ $x(x + \frac{1}{2})(x - \frac{1}{2}) = 0$ $x = 0$ $x + \frac{1}{2} = 0 \Rightarrow x = -\frac{1}{2}$ $x - \frac{1}{2} = 0 \Rightarrow x = \frac{1}{2}$ Vậy $x = 0$; $x = -\frac{1}{2}$; $x = \frac{1}{2}$ b) $(2x - 1)^2 - (x + 3)^2 = 0$ $(2x - 1 + x + 3)(2x - 1 - x - 3) = 0$ $(3x + 2)(x - 4) = 0$ $3x + 2 = 0 \Rightarrow x = -\frac{2}{3}$ $x - 4 = 0 \Rightarrow x = 4$
Vận dụng- Luyện tập	

	Vaãy $x = 4$; $x = -\frac{2}{3}$ Baøi taäp 56 trang 25 SGK.Tính giá trị biểu thức a) $x^2 + \frac{1}{2}x + \frac{1}{16}$ $= x^2 + \frac{1}{2}x + \left(\frac{1}{4}\right)^2 = \left(x + \frac{1}{4}\right)^2$ Vôùi $x=49,75$, ta còu $\left(49,75 + \frac{1}{4}\right)^2 = (49,75 + 0,25)^2$ $= 50^2 = 25000$ b) $x^2 - y^2 - 2y - 1$ $x^2 - (y^2 + 2y + 1) = x^2 - (y + 1)^2$ $= (x + y + 1)(x - y - 1)$ Vôùi $x=93$, $y=6$ ta còu $(93+6+1)(93-6-1)$ $= 100.86 = 86\,000$
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	- Học sinh hoàn thành phiếu học tập (trả lời câu hỏi ngắn tuần tự về nội dung bài học, điền khuyết, trắc nghiệm,) - Học sinh hoàn thành bài tập về nhà có trong SGK hoặc bài tập do giáo viên soạn - Học sinh nộp bài cho giáo viên qua các phần mềm dạy học online, như: trang lophoc.hcm.edu.vn, Classroom, ... - GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh thông qua các báo cáo của nhóm trưởng hoặc qua các hình ảnh, sản phẩm học tập mà học sinh nộp. GV nhận xét và đánh giá.

NỘI DUNG KIẾN THỨC TUẦN 8

(Từ 25/10 đến 30/10)

MÔN: ĐẠI SỐ. KHỐI 8

NỘI DUNG	NỘI DUNG GHI BẢNG CỦA HỌC SINH
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp: 8	Đề kiểm tra chương 1 Đại số 8
Hoạt động 1: Khám phá bài học mới – Ví dụ	II. TRẮC NGHIỆM (5 điểm) Câu 1: Kết quả của phép nhân: $3x^2y.(3xy - x^2 + y)$ là: A) $3x^3y^2 - 3x^4y - 3x^2y^2$ B) $9x^3y^2 - 3x^4y + 3x^2y^2$ C) $9x^2y - 3x^5 + 3x^4$ D) $x - 3y + 3x^2$ Câu 2: Kết quả của phép nhân $(x - 2).(x + 2)$ là: A) $x^2 - 4$ B) $x^2 + 4$ C) $x^2 - 2$

Vận dụng- Luyện tập	D) $4 - x^2$ Câu 3: Giá trị của biểu thức $x + 2x + 1$ tại $x = -1$ là: A) 4 B) -4 C) 0 D) 2 Câu 4: Kết quả khai triển của hằng đẳng thức $(x + y)^3$ là: A) $x^2 + 2xy + y^2$ B) $x^3 + 3x^2y + 3xy^2 + y^3$ C) $(x + y).(x^2 - xy + y^2)$ D) $x^3 - 3x^2y + 3xy^2 - y^3$ Câu 5: Đẳng thức nào sau đây là <u>Sai</u>: A) $(x - y)^3 = x^3 - 3x^2y + 3xy^2 - y^3$ B) $x^3 - y^3 = (x - y)(x^2 - xy + y^2)$ C) $(x - y)^2 = x^2 - 2xy + y^2$ D) $(x - 1)(x + 1) = x^2 - 1$ II. Tự luận (5 điểm) Câu 1 (2 điểm): Rút gọn biểu thức $P = (x - y)^2 + (x + y)^2 - 2.(x + y)(x - y) - 4x^2$ Câu 2 (3 điểm): Phân tích các đa thức sau thành nhân tử: a/ $x^3 - x^2y + 3x - 3y$ b/ $x^3 - 2x^2 - 4xy^2 + x$ c/ $(x + 2)(x + 3)(x + 4)(x + 5) - 8$
----------------------------	--

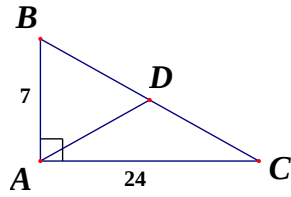
NỘI DUNG KIẾN THỨC TUẦN 8

(Từ 25/10 đến 30/10)

MÔN: HÌNH HỌC . KHỐI 8

NỘI DUNG	NỘI DUNG GHI BẢNG CỦA HỌC SINH
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp: 8	LUYỆN TẬP
Hoạt động 1: Khám phá bài học	Bài 60/99/ sgk Hai HS lên bảng trả lời câu hỏi và làm bài

mới – Ví dụ



Ta có:

$$BC^2 = AB^2 + AC^2 \text{ (NL Py TaGo)}$$

$$\Rightarrow BC^2 = 7^2 + 24^2$$

$$BC^2 = 49 + 576 = 625$$

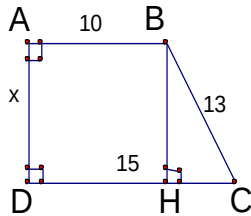
$$\Rightarrow BC = 25$$

Khi đó: $AD = BC : 2 = 12,5$.

Vận dụng- Luyện tập

Bài 63 trang 100 SGK

Tìm x trong các hình sau :

Ta có: $\hat{A} = \hat{D} = \hat{H} = 90^\circ$

Nên ABCD là hình chữ nhật

Suy ra: $AB = DH = 10$; $AD = BH$ Do đó: $HC = DC - DH$
 $= 15 - 10 = 5$ Áp dụng định lý Pythagore vào $\triangle BCH$:

$$BC^2 = BH^2 + HC^2$$

$$BH^2 = BC^2 - HC^2$$

$$BH^2 = 13^2 - 5^2$$

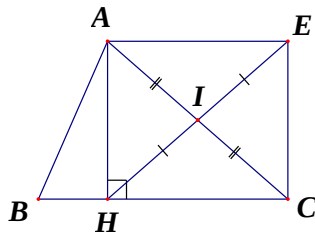
$$BH^2 = 169 - 25 = 144$$

$$BH = 12$$

$$\Rightarrow AD = 12$$

Bài 61 trang 99 SGK

- HS sửa bài vào tập



$$\left. \begin{array}{l} AI = IC(gt) \\ IH = IE(gt) \end{array} \right\} \Rightarrow AHCE$$

Là hình bình hành

Có: $\hat{H} = 90^\circ$

Vậy: AHCE là hình chữ nhật

Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

- Học sinh hoàn thành phiếu học tập (trả lời câu hỏi ngắn tuần tự về nội dung bài học, điền khuyết, trắc nghiệm,)
- Học sinh hoàn thành bài tập về nhà có trong SGK hoặc bài tập do giáo viên soạn

- Học sinh nộp bài cho giáo viên qua các phần mềm dạy học online, như: trang lophoc.hcm.edu.vn, Classroom,...
- GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh thông qua các báo cáo của nhóm trưởng hoặc qua các hình ảnh, sản phẩm học tập mà học sinh nộp. GV nhận xét và đánh giá.

TOÁN KHỐI 8 TUẦN 9

MÔN: ĐẠI SỐ. KHỐI 8

NỘI DUNG	NỘI DUNG GHI BẢNG CỦA HỌC SINH
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp: 8	§10. CHIA ÑƠN THỨC CHO ÑƠN THỨC. TRÖÔNG §11. CHIA ÑA THỨC CHO ÑƠN THỨC.
Hoạt động 1: Khám phá bài học mới – Ví dụ	I. CHIA ÑƠN THỨC CHO ÑƠN THỨC 1/ Quy tắc: ? a) $x^3 : x^2 = x$ b) $15x^7 : 3x^2 = 5x^5$ c) $20x^5 : 12x = \frac{5}{3}x^4$? a) $15x^2y^2 : 5xy^2 = 3x$ b) $12x^3y : 9x^2 = \frac{4}{3}xy$ <u>Nhận xét:</u> Ñơn thức A chia hết cho ñơn thức B khi mỗi biến của B ñều là biến của A với số mũ không lớn hơn số mũ của nó trong A. Quy tắc: Muốn chia ñơn thức A cho ñơn thức B (trường hợp A chia hết cho B) ta làm như sau: - Chia hệ số của ñơn thức A cho hệ số của ñơn thức B. - Chia lũy thừa của từng biến trong A cho lũy thừa của cùng biến đó trong B. - Nhân các kết quả với nhau tìm được vế phải. 2/ AÙp dụng. ? a) $15x^3y^5z : 5x^2y^3$ $= 3xy^2z.$ b) $12x^4y^2 : (-9xy^2)$ $= \frac{12}{-9}x^3 = -\frac{4}{3}x^3$ Với $x = -3 ; y = 1,005$, ta có: $\frac{-4}{3}(-3)^3 = \frac{-4}{3} \cdot (-27) = 36$ II. CHIA ÑA THỨC CHO ÑƠN THỨC. 1/ Quy tắc. ? $15x^2y^5 + 12x^3y^2 - 10xy^3 : 3xy^2$ $= (15x^2y^5 : 3xy^2) + (12x^3y^2 : 3xy^2) + (-10xy^3 : 3xy^2)$ $= 5xy^3 + 4x^2 - \frac{10}{3}y$ <u>Quy tắc:</u> Muốn chia đa thức A cho ñơn thức B (trường hợp cả hai đầu của đa thức A ñều chia hết cho ñơn thức B), ta chia mỗi hạng tử của A cho B rồi cộng các kết quả với nhau. <u>Ví dụ:</u> (SGK) Giải $(30x^4y^3 - 25x^2y^3 - 3x^4y^4) : 5x^2y^3 = (30x^4y^3 : 5x^2y^3) + (-25x^2y^3 : 5x^2y^3) + (-3x^4y^4 : 5x^2y^3)$ $= 6x^2 - 5 - \frac{3}{5}x^2y$ 2/ AÙp dụng. ? a) Bùn Hoa giàu nhưn.

Vận dụng- Luyện tập	$(20x^4y - 25x^2y^2 - 3x^2y) : 5x^2y$ b) $= 4x^2 - 5y - \frac{3}{5}$ Baøi taäp 59 trang 26 SGK. a) $5^3 : (-5)^2 = 5^3 : 5^2 = 5$ b) $\left(\frac{3}{4}\right)^5 : \left(\frac{3}{4}\right)^4 = \left(\frac{3}{4}\right)^2 = \frac{9}{16}$ c) $(-12)^3 : 8^3 = (-12:8)^3 = \left(\frac{-3}{2}\right)^3 = -\frac{27}{8}$ Baøi taäp 64 trang 28 SGK. a) $(-2x^5 + 3x^2 - 4x^3) : 2x^2$ b) $(x^3 - 2x^2y + 3xy^2) : \left(-\frac{1}{2}x\right)$ c) $(3x^2y^2 + 6x^2y^3 - 12xy) : 3xy$ $= -x^3 + \frac{3}{2} - 2x$ $= -2x^2 + 4xy - 6y^2$ $= xy + 2xy^2 - 4$
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	- Học sinh hoàn thành phiếu học tập (trả lời câu hỏi ngắn tuần tự về nội dung bài học, điền khuyết, trắc nghiệm,) - Học sinh hoàn thành bài tập về nhà có trong SGK hoặc bài tập do giáo viên soạn - Học sinh nộp bài cho giáo viên qua các phần mềm dạy học online, như: trang lophoc.hcm.edu.vn, Classroom, ... - GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh thông qua các báo cáo của nhóm trưởng hoặc qua các hình ảnh, sản phẩm học tập mà học sinh nộp. GV nhận xét và đánh giá.

NỘI DUNG KIẾN THỨC TUẦN 9

(Từ 1/11 đến 6/11)

MÔN: ĐẠI SỐ. KHỐI 8

NỘI DUNG	NỘI DUNG GHI BẢNG CỦA HỌC SINH
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp: 8	12. CHIA ÑA THÒUC MÒAT BIEÁN ÑAÏ SAÉP XEÁP.
Hoạt động 1: Khám phá bài học mới – Ví dụ	1/ Pheùp chia heát. Ví duì: Chia ña thòuc $2x^4 - 13x^3 + 15x^2 + 11x - 3$ cho ña thòuc $x^2 - 4x - 3$ <u>Giaøi</u> Ta ñaët pheùp chia (gioáng nhö pheùp chia hai soá ñaõ hoïc ôu lòup 5) $ \begin{array}{r} 2x^4 - 13x^3 + 15x^2 + 11x - 3 \quad x^2 - 4x - 3 \\ \underline{2x^4 - 8x^3 - 6x^2} \quad 2x^2 - 5x + 1 \\ -5x^3 + 21x^2 + 11x - 3 \\ \underline{-5x^3 + 20x^2 + 15x} \\ x^2 - 4x - 3 \\ \underline{x^2 - 4x - 3} \\ 0 \end{array} $ $(2x^4 - 13x^3 + 15x^2 + 11x - 3) : (x^2 - 4x - 3)$ $= 2x^2 - 5x + 1$? $(x^2 - 4x - 3)(2x^2 - 5x + 1)$ $= 2x^4 - 5x^3 + x^2 - 8x^3 + 20x^2 - 4x - 6x^2 + 15x - 3$ $= 2x^4 - 13x^3 + 15x^2 + 11x - 3$ 2/ Pheùp chia coù ño. Ví duì: $5x^3 - 3x^2 + 7x + 1$

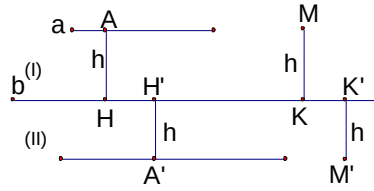
Vận dụng- Luyện tập	$\begin{array}{r} 5x^3 + \quad 5x \quad 5x - 3 \\ -3x^2 - 5x + 7 \\ - \quad -3x^2 \quad - 3 \\ \hline -5x + 10 \end{array}$ Pheùp chia trong trööông hoiùp naøy goüi laø pheùp chia coù dö $(5x^3 - 3x^2 + 7) =$ $= (x^2 + 1)(5x - 3) + (-5x + 10)$ <u>Chuoù yù:</u> Ngöôøi ta chöùng minh ñöôïc raêng ñoái vôùi hai ña thöïc tuyeät yù A vaø B cuûa cuøng moät bieán ($B \neq 0$), toaøn taïi duy nhaát moät caép ña thöïc Q vaø R sao cho $A = B \cdot Q + R$, trong ñoù R baèng 0 hoaëc baéc cuûa R nhoû hôn baéc cuûa B (R ñöôïc goüi laø dö trong pheùp chia A cho B). Khi $R = 0$ pheùp chia A cho B laø pheùp chia heát. Baøi taäp 67 trang 31 SGK. a) $(x^3 - 7x + 3 - x^2) : (x - 3)$ $= x^2 + 2x - 1$ b) $(2x^4 - 3x^3 - 3x^2 - 2 + 6x) : (x^2 - 2)$ $= 2x^2 - 3x + 1$
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	- Học sinh hoàn thành phiếu học tập (trả lời câu hỏi ngắn tuần tự về nội dung bài học, điền khuyết, trắc nghiệm,) - Học sinh hoàn thành bài tập về nhà có trong SGK hoặc bài tập do giáo viên soạn - Học sinh nộp bài cho giáo viên qua các phần mềm dạy học online, như: trang lophoc.hcm.edu.vn, Classroom, ... - GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh thông qua các báo cáo của nhóm trưởng hoặc qua các hình ảnh, sản phẩm học tập mà học sinh nộp. GV nhận xét và đánh giá.

NỘI DUNG KIẾN THỨC TUẦN 9

(Từ 1/11 đến 6/11)

MÔN: HÌNH HỌC . KHỐI 8

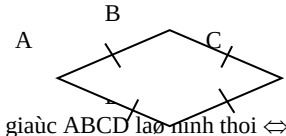
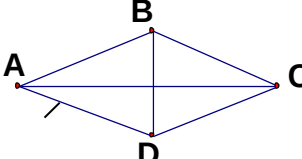
NỘI DUNG	NỘI DUNG GHI BẢNG CỦA HỌC SINH
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp: 8	§10. ÑÖÔØNG THAÚNG SONG SONG VÔÙI MOÁT ÑÖÔØNG THAÚNG CHO TRÖÔÙC
Hoạt động 1: Khám phá bài học mới – Ví dụ	<u>1. Khoaùng caùch giöõa hai ñöôøng thaúng song song :</u>  h laø khoaùng caùch giöõa hai ñöôøng thaúng song song a vaø b Ñònh nghóa: (SGK trang 101) <u>2. Tính chaát cuûa caùc ñeàu moät ñöôøng thaúng cho trööôùc :</u>

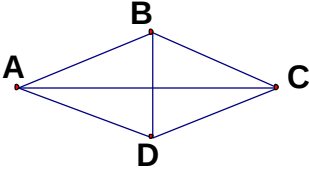
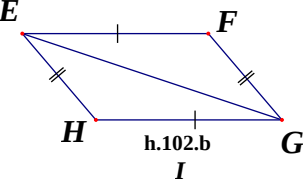
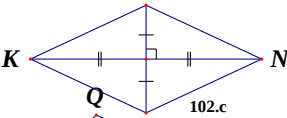
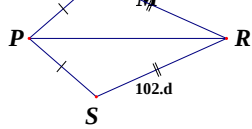
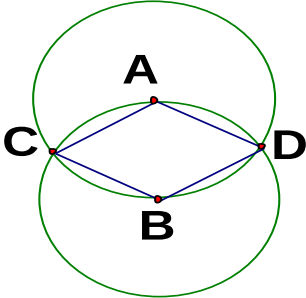
Vận dụng- Luyện tập	 Tính chất: (SGK trang 101) Nhận xét: (SGK trang 101) Bài 69 SGK trang 103 (1) vẽ (7) (2) vẽ (5) (3) vẽ (8) (4) vẽ (6)
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	- Học sinh hoàn thành phiếu học tập (trả lời câu hỏi ngắn tuần tự về nội dung bài học, điền khuyết, trắc nghiệm,) - Học sinh hoàn thành bài tập về nhà có trong SGK hoặc bài tập do giáo viên soạn - Học sinh nộp bài cho giáo viên qua các phần mềm dạy học online, như: trang lophoc.hcm.edu.vn, Classroom, ... - GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh thông qua các báo cáo của nhóm trưởng hoặc qua các hình ảnh, sản phẩm học tập mà học sinh nộp. GV nhận xét và đánh giá.

NỘI DUNG KIẾN THỨC TUẦN 9

(Từ 1/11 đến 6/11)

MÔN: HÌNH HỌC . KHỐI 7

NỘI DUNG	NỘI DUNG GHI BẢNG CỦA HỌC SINH
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp: 8	HÌNH THOI
Hoạt động 1: Khám phá bài học mới – Ví dụ	<u>1/ Nhận xét:</u> Hình thoi là tứ giác có <i>ba cạnh bằng nhau</i>.  Tứ giác ABCD là hình thoi $\Leftrightarrow AB = BC = CD = DA$ * Hình thoi cũng là một hình bình hành. <u>2/ Tính chất:</u> Hình thoi có tất cả các tính chất của hình bình hành.  Định lý: Trong hình thoi: a) Hai đường chéo vuông góc với nhau. b) Hai đường chéo là các đường phân giác của các góc của hình thoi.

Vận dụng- Luyện tập	Chứng minh (sgk) 3/ Dấu hiệu nhận biết hình thoi : -? 3  - Chứng minh: ABCD là hình bình hành $\Rightarrow OA = OC$. - Tam giác BAC là tam giác cân, vì BO vừa là đường trung tuyến vừa là đường cao. $\Rightarrow BA = BC$ - Vậy ABCD là hình thoi. (hình bình hành có hai cạnh kề bằng nhau). Bài 73 trang 105 SGK Tìm các hình thoi trên hình 102 b)  c)  d)  
	Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học. - Học sinh hoàn thành phiếu học tập (trả lời câu hỏi ngắn tuần tự về nội dung bài học, điền khuyết, trắc nghiệm,) - Học sinh hoàn thành bài tập về nhà có trong SGK hoặc bài tập do giáo viên soạn - Học sinh nộp bài cho giáo viên qua các phần mềm dạy học online, như: trang lophoc.hcm.edu.vn, Classroom, ... - GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh thông qua các báo cáo của nhóm trưởng hoặc qua các hình ảnh, sản phẩm học tập mà học sinh nộp. GV nhận xét và đánh giá.

LÝ KHỐI 8 TUẦN 8

KIỂM TRA GIỮA KỲ

LÝ KHỐI 8 TUẦN 9

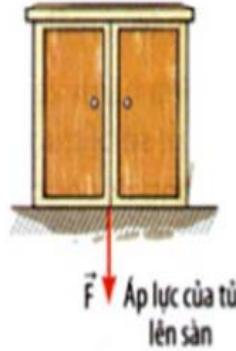
NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học	Lưu ý các em học sinh: + Ghi vào tập tên bài, nội dung trọng tâm + Tự tìm hiểu thông tin sgk, tài liệu từ internet Bài 7

ÁP SUẤT

Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu

1. Áp lực là gì?

- Áp lực là lực ép có phương vuông góc với mặt bị ép.



- Tác dụng của áp lực càng lớn khi độ lớn của áp lực càng lớn và diện tích mặt bị ép càng nhỏ.

Ví dụ: Một vật có trọng lượng 500N khi đặt lên mặt sàn nằm ngang sẽ tác dụng xuống mặt sàn một áp lực 500N.

2. Áp suất

- Áp suất là độ lớn của áp lực trên một đơn vị diện tích bị ép.
- Công thức tính áp suất:

$$p = \frac{F}{S}$$

Trong đó: F là áp lực (N)

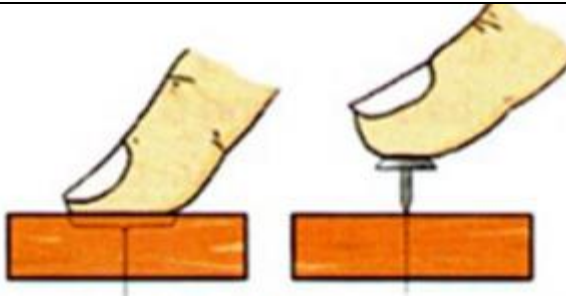
p là áp suất (N/m²)

S là diện tích bị ép (m²)

- Ngoài đơn vị N/m², đơn vị của áp suất còn tính theo Pa (paxcan)

$$1 \text{ Pa} = 1 \text{ N/m}^2$$

- Với cùng một áp lực, diện tích bị ép càng nhỏ thì áp suất càng lớn



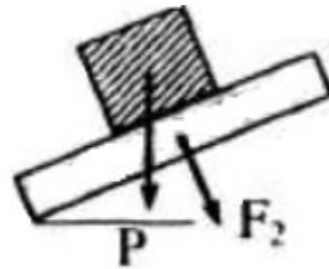
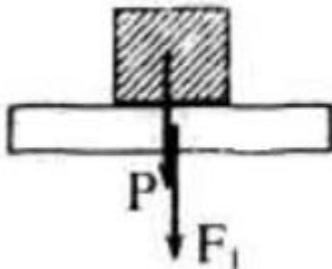
II. PHƯƠNG PHÁP GIẢI

1. Cách nhận biết áp lực

Không phải bất kì lực nào cũng được gọi là áp lực. Muốn xác định một lực nào đó có phải là áp lực hay không thì ta phải xác định mặt bị ép là mặt nào để biết được phương của lực đó có vuông góc với diện tích mặt bị ép hay không.

+ Khi vật đặt trên mặt phẳng ngang thì trọng lực được gọi là áp lực.

+ Khi vật đặt trên mặt phẳng nghiêng thì trọng lực không được gọi là áp lực vì khi đó trọng lực có phương không vuông góc với diện tích mặt bị ép.



2. Tính áp lực, diện tích mặt bị ép

Dựa vào công thức tính áp suất: ta suy ra:

+ Công thức tính áp lực: $F = p.S$

+ Công thức tính diện tích mặt bị ép:

Lưu ý:

- Đơn vị của các đại lượng trong công thức đã thống nhất được hay chưa.

- Nếu diện tích mặt bị ép là:

+ Hình vuông thì $S = a^2$ (a là độ dài của mỗi cạnh hình vuông).

+ Hình chữ nhật thì $S = a.b$ (a và b lần lượt là chiều dài và chiều rộng của hình chữ nhật).

Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i>	III. Vận dụng C5) Tóm tắt $p_1 = 340.000 \text{ (N)}$ $S_1 = 1,5 \text{ (m}^2\text{)}$ $p_2 = 20.000 \text{ (N)}$ $S_2 = 250 \text{ cm}^2 = 0,025 \text{ (m}^2\text{)}$ So sánh p_1 và p_2 Giải Áp suất của xe tăng lên mặt đường nằm ngang là: $p_1 = F_1/S_1 = 340000/1.5$ $= 226666.6\text{N/m}^2$ Áp suất của xe ô tô lên mặt đường nằm ngang $p_2 = F_2/S_2$ $= 20000/0.025$ $= 800000\text{N/m}^2$ Áp suất của xe tăng lên mặt đường nhỏ hơn áp suất của xe ô tô lên mặt đường 4. Củng cố: - Cho học sinh đọc ghi nhớ - Cho HS đọc phần: Có thể em chưa biết - Vì sao lưỡi dao, rựa... càng mỏng thì dao càng sắc? ⇒ Lưỡi dao càng mỏng thì dao càng sắc, vì dưới tác dụng của cùng một áp lực, nếu diện tích bị ép càng nhỏ (lưỡi dao càng mỏng) thì tác dụng của áp lực càng lớn (dao càng dễ cắt gọt các vật) 5. Hướng dẫn về nhà:
--	---

- Dẫn HS học bài cũ, làm bài tập SBT và nghiên cứu trước bài 8: “Áp suất chất lỏng, bình thông nhau”.

Luyện Tập

Bài 1: Áp lực là:

- A. Lực ép có phương vuông góc với mặt bị ép.
- B. Lực ép có phương song song với mặt bị ép.
- C. Lực ép có phương tạo với mặt bị ép một góc bất kì.
- D. Lực ép có phương trùng với mặt bị ép.

Bài 2: Khi đoàn tàu đang chuyển động trên đường nằm ngang thì áp lực có độ lớn bằng lực nào?

- A. Lực kéo do đầu tàu tác dụng lên toa tàu.
- B. Trọng lực của tàu.
- C. Lực ma sát giữa tàu và đường ray.
- D. Cả 3 lực trên.

Khi đoàn tàu đang chuyển động trên đường nằm ngang thì áp lực có độ lớn bằng trọng lực của tàu vì khi đó trọng lực vuông góc với mặt bị ép, lực ma sát và lực kéo có phương song song với mặt bị ép

⇒ Đáp án B

Bài 3: Đơn vị của áp lực là:

- A. N/m^2
- B. Pa
- C. N
- D. N/cm^2

Bài 4: Tác dụng của áp lực phụ thuộc vào:

- A. phương của lực
- B. chiều của lực
- C. điểm đặt của lực
- D. độ lớn của áp lực và diện tích mặt bị ép

	Tác dụng của áp lực phụ thuộc vào độ lớn của áp lực và diện tích mặt bị ép. ⇒ Đáp án D Bài 5: Chỉ ra kết luận sai trong các kết luận sau: A. Áp lực là lực ép có phương vuông góc với mặt bị ép. B. Đơn vị của áp suất là N/m². C. Áp suất là độ lớn của áp lực trên một diện tích bị ép. D. Đơn vị của áp lực là đơn vị của lực. Áp suất là độ lớn của áp lực trên một đơn vị diện tích bị ép ⇒ Đáp án C
--	--

HÓA KHỐI 8 TUẦN 8

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 8	Tiết 1
	KIỂM TRA GIỮA KÌ I

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 8	Tiết 2
	BÀI LUYỆN TẬP 2
<u>Hoạt động</u> HS TỰ HỌC Ở NHÀ	HS tự học ở nhà: Yêu cầu: - Học sinh ôn lại Hóa trị của các nguyên tố. - Làm BT đầy đủ mà GV đã giao

HÓA KHỐI 8 TUẦN 9

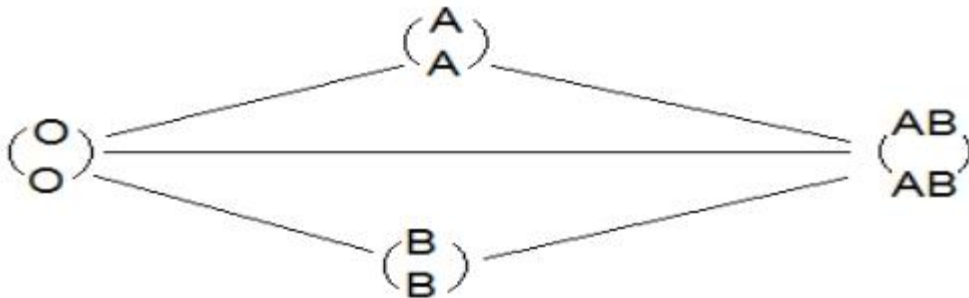
NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 8	Tiết 1
	BÀI 12: SỰ BIẾN ĐỔI CHẤT
<u>Hoạt động :</u>	

HS tham khảo SGK Hóa 8 và chú ý nghe GV giảng bài.	1. Hiện tượng vật lý - Là hiện tượng chỉ biến đổi về trạng thái, hình dạng nhưng vẫn giữ nguyên là chất ban đầu. VD: Quá trình biến đổi trạng thái của nước: VD: nước đá tan ra thành nước lỏng, đun sôi nước chuyển thành hơi nước (nước đá, nước ở thể lỏng, hơi nước đều có cùng một tính chất) 2. Hiện tượng hóa học - Là hiện tượng khi có sự biến đổi chất này thành chất khác. VD: Đốt cháy Sulfur S ta được khí Sulfur dioxide SO_2 có mùi hắc.
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	BÀI TẬP 1. Dấu hiệu nào là chính để phân biệt hiện tượng hóa học với hiện tượng vật lí? 2. Hiện tượng nào là hiện tượng vật lí, hiện tượng hóa học? a. Đốt cháy khí hiđro sinh ra nước b. Sắt nung nóng để rèn thành dao, cuốc, xẻng c. Một lá đồng bị nung nóng, trên mặt phủ một lớp màu đen d. Trứng bị thối e. Cho kẽm vào axit clohidric thấy có khí bay lên f. Đun nóng đường thì thấy đường chuyển thành than và có hơi nước sinh ra g. Vào mùa hè băng ở hai cực trái đất tan dần. 3. Khi chiên mỡ có sự biến đổi như sau: trước hết một phần mỡ bị chảy lỏng và tiếp tục đun quá lửa mỡ sẽ khét. Trong 2 giai đoạn trên ở giai đoạn nào diễn ra HTVL, HTHH? Giải thích.

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 8	Tiết 2 ÔN TẬP
Hoạt động HS TỰ HỌC Ở NHÀ	HS tự học ở nhà: Yêu cầu: Học sinh ôn lại Hóa trị của các nguyên tố. Làm BT tiết trước GV đã giao

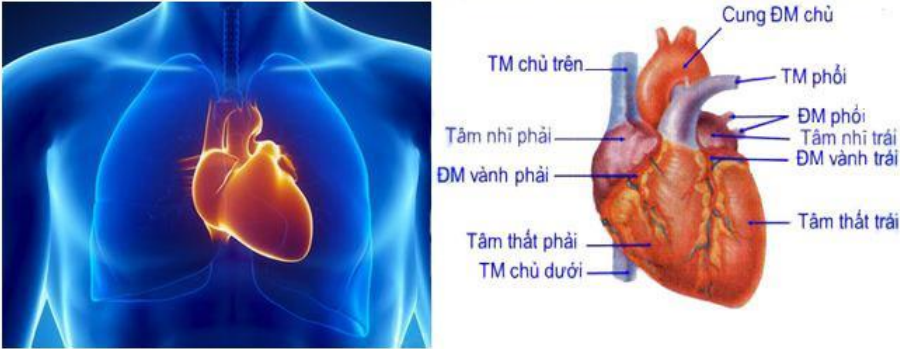
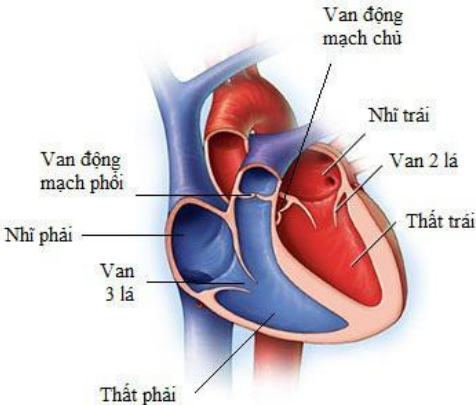
SINH KHỐI 8 TUẦN 8

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ	<u>BÀI 15: ĐÔNG MÁU VÀ NGUYÊN TẮC TRUYỀN MÁU</u>

đề - Khối lớp	
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	I. <u>Đông máu:</u> * <u>Khái niệm</u> : là cơ chế hình thành khối máu đông bịt kín vết thương. * <u>Ý nghĩa</u>: đông máu là cơ chế bảo vệ của cơ thể để chống mất máu khi bị thương chảy máu. * <u>Cơ chế</u>: Trong huyết tương có một loại protein hòa tan gọi là chất sinh tơ máu. Khi va chạm vào vết rách trên thành mạch máu của vết thương, các tiểu cầu bị vỡ và giải phóng enzym. Enzim này làm chất sinh tơ máu biến thành tơ máu. Tơ máu kết thành mạng lưới ôm giữ các tế bào máu và tạo thành các khối máu đông II. <u>Các nguyên tắc truyền máu</u> Trước khi truyền máu cần làm xét nghiệm trước để chọn được nhóm máu cho phù hợp tránh tai biến (hồng cầu người cho bị kết dính trong huyết tương người nhận gây tắc mạch) , và tránh bị nhận máu nhiễm các tác nhân gây bệnh.
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i>	A. <u>Điền từ và cụm từ thích hợp vào chỗ trống</u> - Các nhóm máu: có 2 loại trong hồng cầu là A và B (máu người cho); có 2 loại trong huyết tương là α (gây kết dính A) và β (gây kết dính B) (máu người nhận) - Có 4 nhóm máu chính thường gặp : O (A.B) , A(A, β) , B(B, α) , AB (α, β) B. <u>Đánh dấu chiều mũi tên để phản ánh mối quan hệ cho và nhận giữa các nhóm máu để không gây kết dính hồng cầu trong sơ đồ sau:</u> Sơ đồ truyền máu: 

NỘI DUNG	GHI CHÚ															
Chủ đề: HỆ TUẦN HOÀN Bài 16: Tuần hoàn máu và lưu thông bạch huyết	Lưu ý các em học sinh: + Ghi vào tập tên bài, nội dung trọng tâm theo HĐ 1. + Tự tìm hiểu thông tin từ tài liệu internet, SGK để thực hiện các câu hỏi theo yêu cầu ở hoạt động 1 và 2 trước giờ học trực tuyến.															
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	I. Tuần hoàn máu - Hệ tuần hoàn ở người gồm tim và hệ mạch tạo thành 2 vòng tuần hoàn lớn và vòng tuần hoàn nhỏ. Máu đi trong cơ thể thông qua 2 vòng tuần hoàn là vòng tuần hoàn lớn và vòng tuần hoàn nhỏ. - Vai trò của tim và hệ mạch trong sự tuần hoàn máu: + Tim: co bóp tạo lực đẩy máu đi qua các hệ mạch + Hệ mạch: dẫn máu từ tim (tâm thất) tới các tế bào của cơ thể, rồi lại từ các tế bào trở về tim (tâm nhĩ) → Hệ tuần hoàn giúp lưu chuyển máu trong toàn cơ thể. <table><tr><th>Đặc điểm so sánh</th><th>Vòng tuần hoàn nhỏ</th><th>Vòng tuần hoàn lớn</th></tr><tr><td>Đường đi của máu</td><td>Từ tâm thất phải theo động mạch phổi đến 2 lá phổi, theo tĩnh mạch phổi về tâm nhĩ trái</td><td>Từ tâm thất trái theo động mạch cảnh đến các tế bào rồi theo tĩnh mạch cảnh trên và tĩnh mạch cảnh dưới rồi về tâm nhĩ phải</td></tr><tr><td>Nơi trao đổi</td><td>Trao đổi khí ở phổi</td><td>Trao đổi chất ở tế bào</td></tr><tr><td>Vai trò</td><td>Thải CO₂ và khí độc trong cơ thể ra môi trường ngoài</td><td>Cung cấp O₂ và chất dinh dưỡng cho các hoạt động sống của tế bào</td></tr><tr><td>Độ dài vòng vận chuyển của máu</td><td>Ngắn hơn</td><td>Dài hơn vòng tuần hoàn nhỏ</td></tr></table>	Đặc điểm so sánh	Vòng tuần hoàn nhỏ	Vòng tuần hoàn lớn	Đường đi của máu	Từ tâm thất phải theo động mạch phổi đến 2 lá phổi, theo tĩnh mạch phổi về tâm nhĩ trái	Từ tâm thất trái theo động mạch cảnh đến các tế bào rồi theo tĩnh mạch cảnh trên và tĩnh mạch cảnh dưới rồi về tâm nhĩ phải	Nơi trao đổi	Trao đổi khí ở phổi	Trao đổi chất ở tế bào	Vai trò	Thải CO ₂ và khí độc trong cơ thể ra môi trường ngoài	Cung cấp O ₂ và chất dinh dưỡng cho các hoạt động sống của tế bào	Độ dài vòng vận chuyển của máu	Ngắn hơn	Dài hơn vòng tuần hoàn nhỏ
Đặc điểm so sánh	Vòng tuần hoàn nhỏ	Vòng tuần hoàn lớn														
Đường đi của máu	Từ tâm thất phải theo động mạch phổi đến 2 lá phổi, theo tĩnh mạch phổi về tâm nhĩ trái	Từ tâm thất trái theo động mạch cảnh đến các tế bào rồi theo tĩnh mạch cảnh trên và tĩnh mạch cảnh dưới rồi về tâm nhĩ phải														
Nơi trao đổi	Trao đổi khí ở phổi	Trao đổi chất ở tế bào														
Vai trò	Thải CO ₂ và khí độc trong cơ thể ra môi trường ngoài	Cung cấp O ₂ và chất dinh dưỡng cho các hoạt động sống của tế bào														
Độ dài vòng vận chuyển của máu	Ngắn hơn	Dài hơn vòng tuần hoàn nhỏ														
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	II. Lưu thông hệ bạch huyết (Giảm tải) Lệnh ▼ trang 52(Không yêu cầu học sinh thực hiện). - Hệ bạch huyết gồm: + Mao mạch bạch huyết. + Mạch bạch huyết, tĩnh mạch máu. + Hạch bạch huyết: chủ yếu là các tế bào bạch cầu. + Ống bạch huyết tạo thành 2 phân hệ: phân hệ lớn và phân hệ nhỏ. Yêu cầu HS đọc phần thông tin SGK cung cấp và chọn đáp án đúng (Mức độ nhận biết-hiểu) Câu 1: Hệ tuần hoàn được cấu tạo từ A. Tim và hệ mạch B. Tim và động mạch C. Tim và tĩnh mạch D. Tim và mao mạch Câu 2: Hệ tuần hoàn bao gồm mấy vòng tuần hoàn? A. 2 B. 3 C. 4 D. 5 Câu 3: Sau khi luân chuyển trong hệ bạch huyết, dịch bạch huyết sẽ được đổ trực tiếp vào bộ phận nào của hệ tuần hoàn A. Tĩnh mạch dưới đòn B. Tĩnh mạch cảnh trong C. Tĩnh mạch thận D. Tĩnh mạch đùi															

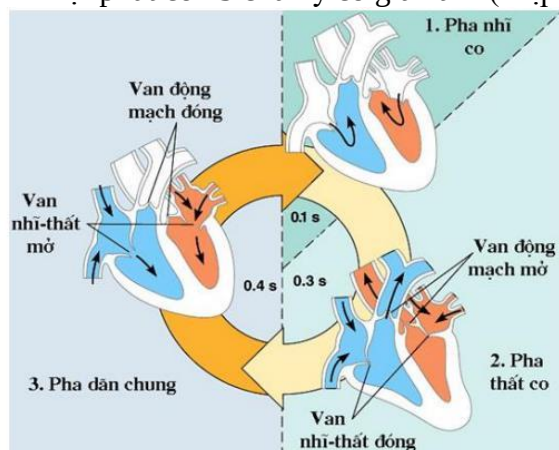
SINH KHỐI 8 TUẦN 9

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Chủ đề: Bài 17: Tim và mạch máu	Lưu ý các em học sinh: + Ghi vào tập tên bài, nội dung trọng tâm theo HĐ 1. + Tự tìm hiểu thông tin từ tài liệu internet, SGK để thực hiện các câu hỏi theo yêu cầu ở hoạt động 1 và 2 trước giờ học trực tuyến.
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	I. Cấu tạo tim - Vị trí: Tim nằm giữa 2 lá phổi, hơi lệch sang bên trái - Hình dạng: tim hình chóp, đỉnh quay xuống dưới, đáy hướng lên trên - Cấu tạo ngoài + Màng tim: bao bọc bên ngoài tim bằng mô liên kết + Động mạch vành: làm nhiệm vụ dẫn máu nuôi tim  The diagram on the left shows the heart's location within the human torso, nestled between the lungs. The diagram on the right is a detailed anatomical view of the heart with the following labels: Cung ĐM chủ (Aortic arch), TM chủ trên (Superior vena cava), TM phổi (Pulmonary artery), ĐM phổi (Pulmonary vein), Tâm nhĩ phải (Right atrium), Tâm nhĩ trái (Left atrium), ĐM vành phải (Right coronary artery), ĐM vành trái (Left coronary artery), Tâm thất phải (Right ventricle), Tâm thất trái (Left ventricle), and TM chủ dưới (Inferior vena cava). - Cấu tạo trong + Tim có 4 ngăn: + Tâm nhĩ trái và phải bơm máu tới tâm thất trái và phải tương ứng. Tâm thất trái bơm máu cho động mạch chủ đi nuôi cơ thể, tâm thất phải bơm máu cho động mạch phổi đi trao đổi khí ở phổi. + Tâm thất trái có thành cơ tim dày nhất, tâm nhĩ phải có thành cơ mỏng nhất + Giữa các ngăn tim và giữa tim với các mạch máu đều có van để đảm bảo máu chỉ vận chuyển theo 1 chiều nhất định.  This cross-sectional diagram illustrates the internal structure of the heart, including the valves and chambers. Labels include: Van động mạch chủ (Aortic valve), Nhĩ trái (Left atrium), Van 2 lá (Mitral valve), Thắt trái (Left ventricle), Van động mạch phổi (Pulmonary valve), Nhĩ phải (Right atrium), Van 3 lá (Tricuspid valve), and Thắt phải (Right ventricle). II. Cấu tạo mạch máu - Có 3 loại mạch máu: động mạch, tĩnh mạch, mao mạch.

Loại mạch	Sự khác biệt về cấu tạo	Giải thích
Động mạch	- Thành có 3 lớp với mô liên kết và lớp cơ trơn dày hơn của tĩnh mạch - Lòng hẹp hơn của tĩnh mạch	- Dẫn máu từ tim đến các cơ quan với tốc độ cao, áp lực lớn
Tĩnh mạch	- Thành có 3 lớp nhưng lớp mô liên kết và lớp cơ trơn mỏng hơn của động mạch - Lòng rộng hơn của động mạch - Có van 1 chiều ở những nơi máu chảy ngược trọng lực	- Dẫn máu từ các tế bào của cơ thể về tim với vận tốc và áp lực nhỏ
Mao mạch	- Nhỏ và phân nhánh nhiều - Thành mỏng, chỉ gồm 1 lớp biểu bì - Lòng hẹp	- Tạo điều kiện cho trao đổi chất với các tế bào

III. Chu kì co dẫn của tim

- Mỗi chu kì tim có 3 pha
- Trong 1 chu kỳ tim:
 - + Tâm nhĩ làm việc 0,1 giây, nghỉ 0,7 giây
 - + Tâm thất làm việc 0,3 giây, nghỉ 0,5 giây
 - + Tim nghỉ hoàn toàn 0,4 giây
- Một phút có 75 chu kỳ co giãn tim (nhịp tim).



Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

Yêu cầu HS đọc phần thông tin SGK cung cấp và chọn đáp án đúng (Mức độ nhận biết-hiểu)

Câu 1: Điều nào sau đây không đúng khi nói về tim:

- A. Tim có 4 ngăn
- B. Tim hình chóp, đỉnh nằm dưới, đáy hướng lên trên và hơi lệch về phía bên trái.
- C. Tim có thành tâm nhĩ dày hơn thành tâm thất
- D. Giữa tâm thất với tâm nhĩ và tâm thất với động mạch có van

Câu 2: Giữa tâm thất với tâm nhĩ và tâm thất với động mạch có van, vai trò của nó là gì?

- A. Đảm bảo máu lưu thông theo một chiều.
- B. Ngăn cản sự hòa trộn máu
- C. Đẩy máu
- D. Không có đáp án nào chính xác.

Câu 3: Loại mạch nào có 3 lớp: mô liên kết, mô cơ trơn, mô biểu bì dày?

- A. Động mạch
- B. Tĩnh mạch
- C. Mao mạch
- D. Mạch bạch huyết

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	<u>BÀI 18: VẬN CHUYỂN MÁU QUA HỆ MẠCH. VỆ SINH HỆ TUẦN HOÀN</u>
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	I.SỰ VẬN CHUYỂN MÁU QUA HỆ MẠCH -Sự phối hợp hoạt động các thành phần cấu tạo của tim và hệ mạch tạo ra huyết áp trong mạch – sức đẩy chủ yếu giúp máu tuần hoàn liên tục và theo 1 chiều trong hệ mạch. II.VỆ SINH HỆ TIM MẠCH 1/Nguyên nhân gây hại tim mạch : + Cơ thể có khuyết tật : hở van tim, hẹp van tim, mạch máu bị xơ cứng... + Bị sốc : sốt cao, mất máu, quá sợ hãi... + Sử dụng chất kích thích: rượu, thuốc lá, ma túy ... + Virut, vi khuẩn gây bệnh + Thức ăn nhiều mỡ 2/ Biện pháp bảo vệ và rèn luyện hệ tim mạch: + Cần khắc phục và hạn chế các nguyên nhân làm tăng nhịp tim và huyết áp không mong muốn. + Tiêm phòng các bệnh có hại cho tim mạch + Hạn chế ăn các thức ăn có hại cho tim mạch + Tập thể dục thể thao thường xuyên, vừa sức + Xoa bóp, mát xa.
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i>	<u>Điền từ và cụm từ thích hợp vào chỗ trống(Mức độ nhận biết)</u> - Máu được vận chuyển qua hệ mạch là nhờ sức đẩy của tim khi co và vận tốc máu trong mạch. - Huyết áp: Là được tạo ra khi máu được vận chuyển qua hệ mạch. - Sự vận chuyển máu: + Ở động mạch: sức đẩy nhờ sự của động mạch + Ở tĩnh mạch: sức đẩy nhờ sựcủa các cơ bắp quanh....., của lồng ngực khi hít vào, sức hút của khi dẫn ra và hoạt động của các..... ..theo 1 chiều (đối với các tĩnh mạch đi từ phần dưới cơ thể về tim).

	Sự phối hợp hoạt động các thành phần cấu tạo của tim và hệ mạch giúp máu tuần hoàn liên tục và theo 1 chiều trong hệ mạch.
--	--

TIN HỌC KHỐI 8 TUẦN 8

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 8	Bảo vệ thông tin máy tính
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	4. Ví dụ mô tả thuật toán: Bài tập 1: Tính diện tích hình thang khi biết 2 đáy và chiều cao. INPUT: đáy lớn, đáy nhỏ, chiều cao. OUTPUT: Diện tích hình thang. - Bước 1: Nhập độ dài đáy lớn - Bước 2: Nhập độ dài đáy bé. - Bước 3: Nhập chiều cao. - Bước 4: Tính diện tích hình thang. - Bước 5: Kết thúc. Bài tập 2: Hoán đổi 2 giá trị x và y (Giả sử gán x ban đầu là X). - Bước 1: $X = x + y$ - Bước 2: $Y = X - y$ $= x + y - y = x$ - Bước 3: $X = X - Y$ $= x + y - x = y$ * Qua 3 bước x có giá trị ban đầu của y và y có giá trị ban đầu của x, tức giá trị của hai biến x và y được hoán đổi cho nhau. Bài tập 3: * Xác định bài toán: - Input: Ba số dương $a > 0, b > 0, c > 0$. - Output: Thông báo a, b, c là cạnh của một tam giác hoặc thông báo a, b, c không thể là cạnh của tam giác. * Mô tả thuật toán: - Bước 1: Tính $a + b$. Nếu $a + b \leq c$, chuyển tới bước 5.(Tương tự các cạnh còn lại- Bước 4: Thông báo “a, b và c có thể là ba cạnh của một tam giác” và kết thúc thuật toán. - Bước 5: Thông báo “a, b và c không thể là ba cạnh của 1 t/g” và kết thúc thuật toán. Bài tập 4 - INPUT: n và dãy n số $a_1, a_2, \dots, a_n$. - OUTPUT: Tổng $S = a_1 + a_2 + \dots + a_n$. - Bước 1: $S \leftarrow 0; i \leftarrow 0$. - Bước 2: $i \leftarrow i + 1$. - Bước 3: Nếu $i \leq n$, $S \leftarrow S + a_i$ và quay lại bước 2. - Bước 4: Thông báo S và kết thúc thuật toán.
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	BÀI TẬP 1- Viết chương trình tính chu vi, diện tích của Hình Vuông. 2- Viết chương trình tính chu vi diện tích của hình thang cân

TIN HỌC KHỐI 8 TUẦN 9

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 8	KIỂM TRA 1 TIẾT
Hoạt động 1: Làm bài kiểm tra	Ôn tập - Kiểm tra 1 tiết Bài 1: Máy tính và chương trình máy tính - Con người đã ra lệnh cho máy tính như thế nào - Viết chương trình - Chương trình và ngôn ngữ lập trình Bài 2: Làm quen với CT và NNLT - NNLT gồm những gì - Từ khóa và tên - Cấu trúc chung của chương trình Bài 3: Chương trình máy tính và dữ liệu - Dữ liệu và kiểu dữ liệu - Các phép toán với dữ liệu kiểu số - Các phép toán so sánh - Giao tiếp người với máy tính Bài 4: Sử dụng biến trong chương trình - Biến là công cụ trong chương trình - Khai báo biến - Sử dụng biến trong chương trình - Hằng Bài 5: Từ bài toán đến chương trình - Khái niệm về bài toán và thuật toán
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	Thực hiện kiểm tra giữa kỳ

VĂN KHỐI 8 TUẦN 8

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Bài:	CHIẾC LÁ CUỐI CÙNG
<u>Hoạt động 1:</u> Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm. -HS đọc phần ★ chú thích SGK/89 để nắm các thông tin về tác giả, tác phẩm và thể loại của văn bản. - Đọc kĩ văn bản, thực hiện chia bố cục và tóm tắt văn bản.	I.TÌM HIỂU CHUNG 1.Tác giả, tác phẩm 2. Đọc, tóm tắt VB 3.Bố cục 3 phần: - Phần1: “ <i>Khi hai ngườitảng đá</i> ” => <i>cụ Bor-men và Xiu lên gác thăm Giôn-xi</i> - Phần2: ” <i>Sáng hôm sau....thế thôi</i> ” => <i>chiếc lá cuối cùng không rụng và Giôn-xi đã qua cơn nguy hiểm</i> - Phần3: <i>Còn lại</i> => <i>Xiu kể cho Giôn-xi đang bình phục về cái chết bất ngờ của cụ Bor-men</i>

<u>Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản</u> - HS đọc kĩ và trả lời câu hỏi đọc hiểu-SGK/90.	II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN 1 – <u>Diễn biến tâm trạng của Giôn-Xi:</u> - Chán nản, mất nghị lực, tuyệt vọng. - Ngạc nhiên, muốn sống, vui vẻ và đã sống. ⇒ <i>Tõø tuyeät voïng, thaân nhieân ñoùn nhaân caùi cheát ñeán hoài sinh nhôø chieác laù.</i> 2 – <u>Nhân vật Xiu:</u> - Lo lắng. - Động viên. - Chăm sóc bạn chu đáo. → Thương yêu bạn. Tình bạn cao đẹp. 3 – <u>Cu họa sĩ Bơ-Men với kiệt tác:</u> - Suốt đời không thành đạt. - Nghèo túng. - Luôn mơ vẽ một bức tranh kiệt tác. - Lặng lẽ vẽ bức tranh lá trong đêm gió tuyết: kiệt tác. *Ý nghĩa của tác phẩm nghệ thuật: Vì sự sống con người. III. TỔNG KẾT * Ghi nhớ (SGK/90).
<u>Hoạt động 3: Luyện tập</u> - HS trả lời câu hỏi bằng một đoạn văn ngắn.	IV. LUYỆN TẬP Em rút ra bài học gì cho bản thân sau khi tìm hiểu 2 nhân vật Đôn-ki-hô-tê và Xan-chô Pan-xa ?
Bài: CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG (PHẦN TIẾNG VIỆT)	
Hoạt động 1 : Hướng dẫn HS tìm các từ ngữ chỉ quan hệ ruột thịt, thân thích được dùng ở địa phương:	Bài 1/90 - Từ ngữ chỉ quan hệ ruột thịt thân thích được dùng ở địa phương

Hoạt động 2 : Hướng dẫn Hs sưu tầm các từ ngữ chỉ quan hệ ruột thịt, thân thích được dùng ở địa phương khác:	Bài 2/92
Hoạt động 3: Sưu tầm một số thơ ca có sử dụng từ ngữ chỉ người có quan hệ ruột thịt, thân thích ở địa phương em.	Bài 3/92
Bài: LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN TỰ SỰ KẾT HỢP VỚI MIÊU TẢ, BIỂU CẢM	
<u>Hoạt động 1: Tìm hiểu về các bước xây dựng đoạn văn tự sự.</u> - HS đọc và thực hiện các yêu cầu phần I. SGK/83.	. Dàn ý bài văn tự sự <u>1. Tìm hiểu dàn ý bài văn tự sự</u> “Mòun quao sinh nhaät” <u>a) Tìm hiểu bố cục:</u> <u>b) Tìm hiểu các yếu tố trong bài văn</u> * Yếu tố tự sự * Yếu tố miêu tả * Yếu tố biểu cảm <u>2-Đoạn yù cuûa baøi vaên töï söï</u> – <u>Mở bài:</u> Giới thiệu sự việc, nhân vật và tình huống xảy ra câu chuyện. – <u>Thân bài:</u> Kể diễn biến câu chuyện theo trình tự nhất định. <i>Khi kể kết hợp miêu tả, biểu cảm.</i> – <u>Kết bài:</u> Nêu kết cục và cảm nghĩ của người trong cuộc. Ghi nhôu: SGK/95
<u>Hoạt động 2: Luyện tập</u> - HS đọc kĩ và thực hiện các bài tập trong SGK.	II. LUYỆN TẬP HS thực hiện các bài tập 1,2 - SGK/95.
• MỤC DẶN DÒ:	

- Các em ghi chép kiến thức trọng tâm từng bài vào vở học trên lớp.
- Chuẩn bị bài tuần 9:
Hai cây phong (Khuyến khích học sinh tự thực hiện).
- (3) Ôn bài kiểm tra giữa học kì I.

VĂN KHỐI 8 TUẦN 9

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Bài:	HAI CÂY PHONG (Trích: Người thầy đầu tiên)
<u>Hoạt động 1: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm.</u> -HS đọc phần (★) chú thích SGK/78 để nắm các thông tin về tác giả, tác phẩm và thể loại của văn bản. - Đọc kĩ văn bản, thực hiện chia bố cục và tóm tắt văn bản.	<u>I. TÌM HIỂU CHUNG:</u> 1. <u>Tác giả:</u> - Tác giả: Tác giả sinh năm 1928 là nhà văn Cu-rơ-gư-xtan. 2. <u>Tác phẩm :</u> - Nằm ở phần đầu của truyện: "Người thầy đầu tiên". 3. <u>Bố cục:</u> 4 phần: 4. <u>Ngôi kể:</u> - Mạch kể xưng "tôi" là người kể chuyện, người ấy tự giới thiệu mình là họa sĩ. - Mạch kể xưng "chúng tôi" vốn là người kể chuyện trên nhưng lại kể nhân danh cả "bọn con trai" ngày trước và hồi ấy người kể chuyện cũng là đứa trẻ trong bọn. → Hai mạch kể lồng ghép vào nhau. Mạch kể xưng tôi bao trùm đoạn trích nên quan trọng hơn.

<u>Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản</u> - HS đọc kĩ và trả lời câu hỏi đọc hiểu SGK/100,101.	II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN <u>1. Hai cây phong kí ức tuổi thơ:</u> + Khi ở dưới gốc cây: “Hai cây phong khổng lồ, mắt máu, cành cao ngất, bóng râm mát rượi, nghiêng ngả đu đưa, ...” “bầy chim chim chao đi chao lại; bọn trẻ leo lên cây”. + Khi lên trên ngọn cây: chân trời xa, thảo nguyên hoang vu, dòng sông lấp lánh, làn sương mờ hồ, ... → <i>Một kỷ niệm đẹp; một bức tranh thiên nhiên được hiện lên bằng con mắt của nhà hội họa – Vẽ tranh bằng chất liệu ngôn ngữ.</i> <u>3. Hai cây phong và thầy Duy-sen:</u> a/ <u>Tình yêu quê hương:</u> + “Trong làng tôi ... một ngọn lửa bốc cháy rừng rực” + “... như chiếc gương thân xanh”. b/ <u>Biểu tượng hai cây phong:</u> + Tiếng nói, tâm hồn riêng. + Thân cây nghiêng ngả lay động lá cành ... tiếng ri rào theo nhiều cung bậc... + Có khi như một làn sóng thủy triều. + Có khi im bật một thoáng, cất tiếng thở dài. + Trước giông tố: nghiêng ngả tấm thân dẻo dai ... như một ngọn lửa bốc cháy rừng rực... → <i>Bằng cách so sánh ngầm, tác giả đã đồng hóa hình ảnh hai cây phong vào người thầy Duy-sen với tấm lòng cao cả.</i> II. TỔNG KẾT: * Ghi nhớ (SGK/101).
• MỤC DẶN DÒ: - Các em ghi chép kiến thức trọng tâm vào vở học trên lớp. - Chuẩn bị bài tuần 10: (1) Nói quá (Khuyến khích học sinh tự thực hiện). (2) Ôn tập truyện kí VN (3) Thông tin về ngày trái đất năm 2000. (4) Nói giảm, nói tránh.	

LỊCH SỬ KHỐI 8 TUẦN 8

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 8	CHỦ ĐỀ 2: SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KHOA HỌC, KỸ THUẬT, VĂN HÓA THẾ KỈ XVIII – XX (Tích hợp bài 22) (TT) BÀI 9: AN ĐỘ THẾ KỶ XVIII - ĐẦU THẾ KỶ XIX
Hoạt động 1: HS	SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KHOA HỌC, KỸ THUẬT, VĂN HÓA

<i>tham khảo SGK và kiến thức bài 5</i>	THẾ KỶ XVIII – XX (Tích hợp bài 22) (TT) II. Những tiến bộ về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội: 2. Khoa học xã hội: sgk /Tr 53, - Chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng: Phoi-ơ-bách và Hê-ghen. - Chủ nghĩa xã hội không tưởng: Xanh Xi-mông, Phu-ri-ê v.v... - Chủ nghĩa xã hội khoa học: Mác và Ăng-ghe-n. 3. Sự phát triển của văn học, nghệ thuật: SGK /Tr 54 và Tr 111, 112. - Văn học: Vôn-te, Ban-dắc, Mông-te-xki-ơ, Lép Tôn-xtôi v.v... - Âm nhạc: Mô-da, Bét-tô-ven, Sô-panh v.v... - Hội họa: Đa-vít, Cuốc-bê, Gô-i-a v.v... III. Sự phát triển của KHKT thế giới nửa đầu thế kỷ XX SGK Tr109 - Vật lí : Sự ra đời của lý thuyết nguyên tử hiện đại - Các khoa học khác : Hoá học, Sinh học, khoa học về Trái Đất...đều đạt được những tiến bộ phi thường. * Tác dụng: - Nâng cao đời sống con người - Sử dụng điện thoại, điện tín, ra đa, hàng không, điện ảnh... * Hạn chế: - Lợi dụng để sản xuất phương tiện giết người hàng loạt . BÀI 9: ẤN ĐỘ THẾ KỶ XVIII - ĐẦU THẾ KỶ XIX I. Sự xâm lược và chính sách thống trị của Anh - Đầu thế kỷ XVIII Anh chiếm Ấn Độ và đặt ách thống trị ở Ấn Độ - Chính sách thống trị và áp bức nặng nề + Chính trị : Chia để trị, chia rẽ tôn giáo, dân tộc + Kinh tế : Bóc lột, kìm hãm nền kinh tế => Nền kinh tế kiệt quệ, đời sống nhân dân vô cùng cực khổ II. Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Ấn Độ a. Nguyên nhân - Do mâu thuẫn nhân dân Ấn Độ với thực dân Anh ngày càng gay gắt . b. Các cuộc đấu tranh tiêu biểu - Cuộc khởi nghĩa Xi-Pay (1857 – 1859) - 1885 Đảng Quốc Đại ra đời . - 1905 nhân dân Ấn Độ tiến hành nhiều cuộc biểu tình. - 7/1908 công nhân Bom-Bay tổ chức bãi công . => Đều bị đàn áp dã man. c. Ý nghĩa - Thể hiện tinh thần yêu nước, khao khát tự do. - Đặt cơ sở cho những thắng lợi sau này.
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i>	CHỦ ĐỀ 2: SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KHOA HỌC, KỸ THUẬT, VĂN HÓA THẾ KỶ XVIII – XX (Tích hợp bài 22) (TT) - Hoàn thành các bài tập có trong SGK. - Nêu vai trò của khoa học xã hội đối với đời sống của con người? - Nêu tên tác giả và tác phẩm tiêu biểu trong các thế kỉ XVVIII – XX? - Nắm được các phát minh khoa học thế kỉ XX BÀI 9: ẤN ĐỘ THẾ KỶ XVIII - ĐẦU THẾ KỶ XIX - Hoàn thành các bài tập có trong SGK . - Nắm được vì sao Anh xâm lược Ấn độ? Chính sách cai trị của thực dân Anh đối với Ấn Độ? - Lập bảng niên biểu phong trào chống thực dân Anh ở Ấn Độ?

NỘI DUNG KIẾN THỨC TUẦN 9

(Từ 1/11 đến 6/11)

MÔN: LỊCH SỬ - KHỐI: 8

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	ÔN TẬP - Hệ thống hóa lại các kiến thức đã học từ tuần 1 đến tuần 6 chuẩn bị kiểm tra giữa học kì I.

	- Giáo dục học sinh yêu thích bộ môn Lịch sử. - Rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp.
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	- Học sinh xem và học kĩ các bài đã học từ tuần 1 đến tuần 6
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	- Hs cần nắm vững, kĩ trọng tâm các bài đã học từ tuần 1 đến tuần 6 để làm kiểm tra giữa HKI

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	KIỂM TRA GIỮA HKI.
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	HS làm kiểm tra giữa kì I.
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	HS làm kiểm tra giữa kì I.

ĐỊA LÝ KHỐI 8 TUẦN 8

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 8	ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ 1
Hoạt động 1: Học sinh ôn tập theo nội dung.	<i>CHỦ ĐỀ 1: TỰ NHIÊN CHÂU Á</i> 1. Vị trí địa lí, địa hình và khoáng sản của châu Á. a) Vị trí: - Châu Á nằm ở bán cầu Bắc, là một bộ phận của lục địa Á –Âu. - Tiếp giáp: + 2 châu lục: Châu Âu và châu Phi + 3 đại dương: Bắc Băng Dương, Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương. - Diện tích :44,4 triệu km² -> là châu lục rộng nhất thế giới b) Địa hình: - Châu Á có nhiều hệ thống núi, sơn nguyên cao, đồ sộ và nhiều đồng bằng rộng bậc nhất thế giới. + Các dãy núi : Hi-ma-lay-a, Côn Luân, Thiên sơn, An-tai... + Các sơn nguyên: Trung Xi-bia, Tây Tạng, I-ran, Đê-can... + Các đồng bằng rộng: Ấn-Hằng, Tây Xi-bia, Hoa Bắc, Hoa Trung, Lưỡng Hà, ... - Các dãy núi chạy theo hai hướng chính: đông - tây hoặc gần đông - tây và bắc - nam hoặc gần bắc - nam. -Địa hình bị chia cắt phức tạp. c) Khoáng sản: - Châu Á có nguồn khoáng sản rất phong phú và có trữ lượng lớn. - Các khoáng sản quan trọng: dầu mỏ, khí đốt, than, sắt, kim loại màu, ... 2. Khí hậu châu Á. a) Khí hậu Châu Á phân hóa rất đa dạng -Phân hóa thành nhiều đới khí hậu khác nhau. - Có 5 đới khí hậu: + Cực và cận cực + Ôn đới + Cận nhiệt + Nhiệt đới + Xích đạo => Do lãnh thổ trải dài từ vùng cực Bắc đến vùng Xích đạo. -Các đới khí hậu châu Á thường phân hóa thành nhiều kiểu khí hậu khác nhau

-> Do lãnh thổ rộng lớn, đặc điểm địa hình và do ảnh hưởng của biển...
b) Khí hậu châu Á phổ biến là các kiểu khí hậu gió mùa và các kiểu khí hậu lục địa.

* Các kiểu khí hậu gió mùa

-Gồm các kiểu : Ôn đới gió mùa, cận nhiệt gió mùa, nhiệt đới gió mùa.

-Phân bố: Đông Á, Đông Nam Á và Nam Á.

-Đặc điểm: 1 năm có 2 mùa rõ rệt

+ Mùa đông: Lạnh, khô, ít mưa.

+ Mùa hạ : Nóng ẩm, mưa nhiều.

b) Các kiểu khí hậu lục địa

-Gồm các kiểu : Ôn đới lục địa, cận nhiệt lục địa, nhiệt đới khô.

-Phân bố: Vùng nội địa và Tây Nam Á.

-Đặc điểm:

+ Mùa đông: Khô và lạnh.

+ Mùa hạ : Khô và nóng.

3. Sông ngòi và cảnh quan châu Á.

a) Đặc điểm sông ngòi.

-Châu Á có nhiều hệ thống sông lớn (I-ê-nit-xây, Hoàng Hà, Trường Giang, Mê Công, Ấn, Hằng...)

-Các sông phân bố không đều và có chế độ nước khá phức tạp.

+ Bắc Á: mạng lưới sông dày, mùa đông nước đóng băng, mùa xuân có lũ do băng tan.

+ Đông Á, Đông Nam Á và Nam Á: nhiều sông lớn, có lượng nước lớn vào mùa cuối hạ đầu thu.

+ Tây Nam Á và Trung Á: ít sông, nguồn cung cấp nước do tuyết và băng tan.

-Giá trị kinh tế của sông ngòi châu Á:

+ Giao thông .

+ Thủy điện

+ Cung cấp nước cho sản xuất, sinh hoạt

+ Du lịch

+ Nuôi trồng và đánh bắt thủy sản.

b) Các đới cảnh quan tự nhiên.

-Cảnh quan phân hóa đa dạng với nhiều loại.

+ Rừng lá kim ở Bắc Á.

+ Rừng cận nhiệt ở Đông Á.

+ Rừng nhiệt đới ẩm ở Đông Nam Á và Nam Á.

+ Thảo nguyên, hoang mạc, cảnh quan núi cao ở Trung Á, Tây Nam Á.

-Nguyên nhân phân bố của các cảnh quan: do sự phân hóa đa dạng về các đới và các kiểu khí hậu.

-Cảnh quan tự nhiên đang bị con người khai phá, rừng tự nhiên còn lại rất ít, nên cần được bảo vệ.

4) Phân tích hướng gió về mùa đông.

- Xác định và đọc tên các trung tâm áp thấp và cao.

+ Các trung tâm áp thấp: Ai-xơ-len, A-lê-út, Xích đạo Ô-xtrây-li-a, Xích đạo.

+ Các trung tâm áp cao: A-xo, Xi-bia, Nam Ấn Độ Dương, Nam Đại Dương.

- Xác định các hướng gió chính theo từng khu vực về mùa đông:

Khu vực	Hướng gió	Hướng gió mùa đông
Đông Á		Tây Bắc
Đông Nam Á		Bắc hoặc Đông Bắc
Nam Á		Đông Bắc

	CHỦ ĐỀ 2: DÂN CƯ, XÃ HỘI CHÂU Á 1) Một châu lục đông dân nhất thế giới. - Châu Á có số dân đông và tăng nhanh. - Mật độ dân cư cao, phân bố không đều. - Ngày nay do thực hiện tốt chính sách dân số, nên tỉ lệ gia tăng dân số giảm. 2) Dân cư thuộc nhiều chủng tộc Dân cư châu Á thuộc nhiều chủng tộc: + Chủng tộc Ô-rô-pê-ô-it: Tây Nam Á, Trung Á, Nam Á. + Chủng tộc Môn-gô-lô-it: Bắc Á, Đông Á, Đông Nam Á + Chủng tộc Ô-xtra-lô-it: Chiếm tỉ lệ nhỏ phân bố ở Nam Á, Đông Nam Á. - Tuy khác nhau về hình thái nhưng đều có quyền và khả năng như nhau trong mọi hoạt động kinh tế, văn hoá, xã hội
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	Ôn lại thật kĩ nội dung ôn tập để chuẩn bị kiểm tra giữa kì 1 vào tuần 9.

NỘI DUNG KIẾN THỨC TUẦN 9

(Từ 01/11 đến 06/11)

MÔN: ĐỊA LÍ KHỐI 8

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 8	KIỂM TRA GIỮA KÌ 1
Hoạt động 1: Học sinh ôn bài và tiến hành làm kiểm tra.	Học sinh làm kiểm tra trên Teams theo hướng dẫn của giáo viên
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	

TIẾNG ANH KHỐI 8 TUẦN 8

NỘI DUNG	GHI CHÚ							
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 8	REVISION: UNIT 1 -> 4							
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	Review these structures : ● Past simple ● Preposition of time: <i>in, on, at, before, after, between</i> ● <i>used to</i> + Write the past simple form of each verb. <i>(Em hãy viết hình thức của thì quá khứ đơn cho mỗi động từ.)</i> a) run d) go h) ride ⇒ ran e) have i) eat b) fly f) do j) sit c) take g) be k) come + Preposition of time : <table><tr><td>in</td><td>November 1997</td><td>between</td><td>7 am and 8 am</td></tr></table>				in	November 1997	between	7 am and 8 am
in	November 1997	between	7 am and 8 am					

	<table><tr><td>on</td><td>Monday, July 2</td><td>after</td><td>3 pm</td></tr><tr><td>at</td><td>6 pm</td><td>before</td><td></td></tr></table>	on	Monday, July 2	after	3 pm	at	6 pm	before	
on	Monday, July 2	after	3 pm						
at	6 pm	before							
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	Task 1. Complete the dialogue below. Use the past simple. (Em hãy hoàn thành hội thoại sau, dùng thì quá khứ đơn.) a) Lan: _____ ? Nga: No. I ate noodles. b) Ba: How did you get to school? Nam: _____ ? c) Minh: _____ ? Hoa: I was at home. d) Chi: Which subject did you have yesterday? Ba: _____ . Task 2. Complete the sentences. Use the prepositions : a) I'll see you on Wednesday. b) I'm going to Laos _____ January. c) We must be there _____ 8.30 and 9.15. d) The bank closes _____ 3 pm. If you arrive _____ 3 pm, the bank will be closed. e) I'll be home _____ seven because I want to see the seven o'clock news. Task 3. Complete the sentences. Use the structure <i>used to + V1</i> Nga: Where is this? It isn't Ha Noi. Hoa: No, it's Hue. I (0) used to stay there. Nga: Is that you, Hoa? Hoa: Yes. I (1) _____ long hair. Nga: Who is in this photo? Hoa: That is Loan. She (2) _____ my next-door neighbor. Nga: Are they your parents?								

TIẾNG ANH KHỐI 8 TUẦN 9

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 8	UNIT 5: Study Habits
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và	VOCABULARY:

thực hiện các yêu cầu.	- report card /rɪ'pɔ:t - kɑ:d/ (n): phiếu báo kết quả học tập - underline /ˌʌndə'laɪn/(v): gạch chân - excellent /'eksələnt/(a): xuất sắc - highlight /'haɪlaɪt/ (v): làm nổi bật - proud of /praʊd/(a): tự hào về - revision /rɪ'vɪʒn/(n): ôn tập, xem lại - improve /ɪm'pru:v/(v): cải thiện, nâng cao - necessary /'nesəsəri/(a): cần thiết - Spanish /'spæniʃ/(n): tiếng, người Tây Ban Nha - revise /rɪ'vaɪz/(n): bản in thử lần thứ 2 - pronunciation (n): cách phát âm - find out (v): nhận ra, tìm ra - dictionary /'dɪkʃənri/(n): từ điển - heading /'hedɪŋ/(n): phần đầu - try one's best: cố gắng hết sức - Lunar New Year: tết âm lịch - behave /bɪ'heɪv/(v): cư xử, đối xử - promise /'prɒmɪs/(v): hứa - sore throat /sɔ:(r) - θrəʊt /(n): đau họng - participation /pɑ:ˌtɪsɪ'peɪʃn/: sự tham gia - cooperation /kəʊˌɒpə'reɪʃn/(n): sự hợp tác - mend /mend/ (v): sửa chữa - satisfactory /ˌsætɪs'fæktəri/(a): thỏa mãn, hài lòng - signature /'sɪɡnətʃə(r)/(n): chữ ký - report /rɪ'pɔ:t/(v): thông báo - mother tongue /tʌŋ/(n): tiếng mẹ đẻ - piece of paper /pi:s- /'peɪpə(r)/ (n): một mảnh giấy Grammar : REPORTED SPEECH (câu tường thuật)
--------------------------------------	---

+ **(direct speech):** Lời của người nói sẽ được đặt trong dấu ngoặc kép.

Ví dụ: She said ,” The exam is difficult for me”.

+ **(indirect speech):** Là thuật lại lời nói của một người khác dưới dạng gián tiếp, không dùng dấu ngoặc kép.

Ví dụ: She said the exam was difficult for her.

Câu trực tiếp	Câu gián tiếp
Present simple	Past simple
Present continuous	Past continuous
Present perfect	Past perfect
Past simple	Past perfect
Present perfect continuous	Past perfect continuous
Past continuous	Past perfect continuous
will	would
can	could
must/ have to	had to
may	might

Hoạt động 2:
*Kiểm tra,
đánh giá quá
trình tự học.*

Task1 . Work with a partner. Suppose YOU are Tim’s mother. Report Miss Jackson's commands and requests in her conversation with Tim’s mother.

(Hãy làm việc với bạn em. Giả sử em là mẹ của Tim, hãy tường thuật những yêu cầu và đề nghị của cô Jackson trong cuộc nói chuyện với mẹ của Tim.)

Example:

Miss Jackson said:

‘Can you give Tim this dictionary?’

or "Please give Tim this dictionary."

Tim’s mother reported it to Tim:

"Miss Jackson asked me to give you this dictionary."

"Miss Jackson told me to give you this dictionary."

- a) "Please wait for me outside my office."
 b) "Please give Tim his report card for this semester."
 c) "Can you help him with his Spanish pronunciation?"
 d) "Can you meet me next week?"

Task2 . Work with a partner change these sentences into indirected speech :

1. "Give me the mirror," she told him.
→ She asked him
2. "Which shoes do you like best?" she asked her friend.
→ She asked her friend
3. "Would you like to go party with me?" she said to Paul.
→ She invited Paul
4. "Are you enjoying novel?" I said to Jessi.
→ I asked Jessi
5. "I'll phone you tomorrow," she told Daniel.
→ She told Daniel that
6. "I'm very sorry I gave you the wrong schedule," She said to Hope
→ She apologized
7. "Party will not be served after 12 p.m" staff said.
→ Staff said that
8. "Please, please come to help me with the messy room," my sister told me.
→ My sister begged me

GIÁO DỤC CÔNG DÂN KHỐI 8 TUẦN 8

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	BÀI 21: PHÁP LUẬT NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM (TIẾT 2)
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	Nội dung bài học 1 Khái niệm: Pháp luật là những quy tắc xử xử chung, có tính bắt buộc, do Nhà nước ban hành, được Nhà nước đảm bảo thực hiện bằng các biện pháp giáo dục, thuyết phục, cưỡng chế. 2 Đặc điểm: - Tính quy phạm phổ biến: Các quy định của pháp luật là thước đo hành vi của mọi người, có tính phổ biến chung, được áp dụng nhiều lần trong phạm vi rộng lớn. - Tính xác định chặt chẽ: Các điều luật được quy định rõ ràng, chính xác, chặt chẽ, thể hiện trong các văn bản pháp luật. - Tính bắt buộc: Pháp luật do nhà nước ban hành, mang tính quyền lực, bắt buộc mọi người phải tuân theo, không phụ thuộc vào sở thích của bất cứ ai.

	3 Bản chất - Thể hiện ý chí của giai cấp công nhân và nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. - Thể hiện quyền làm chủ của nhân dân Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. 4 Vai trò của pháp luật: - Công cụ quản lí nhà nước, quản lí kinh tế, văn hóa xã hội. - Giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. - Là phương tiện phát huy quyền làm chủ của nhân dân. - Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, đảm bảo công bằng xã hội. ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ: - BÀI 1: TÔN TRỌNG LỄ PHẢI - BÀI 2: LIÊM KHIẾT - BÀI 3: GIỮ CHỮ TÍN
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	- Học sinh ghi nội dung bài học đầy đủ. - Tuần 9 kiểm tra giữa học kì

GIÁO DỤC CÔNG DÂN KHỐI 8 TUẦN 9

Kiểm tra giữa kỳ

THỂ DỤC KHỐI 8 TUẦN 8

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	NHẢY XA “KIỂU NGỒI” Kỹ thuật giai đoạn giậm nhảy
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	I. Giai đoạn giậm nhảy: - Giậm nhảy bắt đầu từ khi bàn chân giậm nhảy đặt vào điểm giậm nhảy và kết thúc khi bàn chân giậm nhảy rời khỏi mặt đất . - Vị trí giậm nhảy trong nhảy xa là ván giậm nhảy – có vị trí cố định trên sân. Nếu đặt chân giậm nhảy vượt quá ván giậm nhảy là phạm quy. - Phần lớn các VĐV đặt bàn chân xuống ván giậm bằng gót hoặc cả bàn chân. Tại thời điểm đặt bàn chân trên ván giậm, VĐV phối hợp toàn thân làm động tác rời ván giậm nhảy. - Giậm nhảy được là nhờ duỗi thẳng các khớp theo trình tự từ hông xuống đầu gối và cuối cùng là cổ chân. - Động tác đánh hai tay và đá lăng chân phối hợp khi giậm nhảy cũng có tác

	dụng tăng lực giậm nhảy vì khi đó lực quán tính của hai tay và chân lăng cùng hướng với lực giậm nhảy. - Kết thúc giậm nhảy, cơ thể rời đất ở tư thế bước bộ trên không. - Khi giậm nhảy, lực tác động lên trọng tâm cơ thể hướng về trước theo phương nằm ngang và chiếm 87% trong khi lực hướng lên trên, theo phương thẳng đứng chỉ chiếm 13%. II. Góc độ giậm nhảy - Là góc tạo bởi mặt đất và chân giậm nhảy khi đã được duỗi thẳng trước khi rời mặt đất, chính xác hơn là giữa mặt đất với điểm chống của mũi chân giậm nhảy trước khi rời khỏi mặt đất và góc độ lớn hay nhỏ là tùy từng môn nhảy. - Khi chân giậm nhảy rời đất, tốc độ bay của các vận động viên xuất sắc có thể tới 9.2 - 9.6 m/giây. III. Những sai lầm thường mắc phải khi thực hiện giai đoạn giậm nhảy - Giậm không đúng vào ván giậm nhảy - Giậm nhảy không mạnh và không hết sức. - Góc độ giậm nhảy không đúng - Khi giậm nhảy xong người bị lao về phía trước - Khi giậm nhảy xong người vọt bổng lên như nhảy cao IV. Một số bài tập bổ trợ khắc phục sai lầm khi thực hiện giai đoạn giậm nhảy Bài 1 : chạy đà 1,3,5 bước đà giậm vào ván giậm nhảy (lập lại nhiều lần) Bài 2 : chạy đà 15m, 20m tốc độ cao – giậm nhảy vào ván Bài 3 : thực hiện 1, 3, 5 bước giậm nhảy bước bộ trên không.
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	Ôn lại các kiến thức về kỹ thuật giai đoạn giậm nhảy.

THỂ DỤC KHỐI 8 TUẦN 9

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	NHẢY XA “KIỂU NGỒI” Kỹ thuật giai đoạn trên không và giai đoạn tiếp đất
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	I. Giai đoạn bay trên không: - Sau khi chân giậm nhảy rời đất, trọng tâm cơ thể bay theo đường vòng cung. Toàn bộ các động tác của VĐV trong lúc bay là nhằm giữ thăng bằng và tạo điều kiện thuận lợi để rơi xuống hố cát có hiệu quả nhất. - Sự khác biệt giữa các kiểu nhảy xa chính là ở giai đoạn này. Có 3 kiểu chính: “Ngồi”, “ưỡn thân” và “cắt kéo”. II. Nhảy xa kiểu “ngồi”: - Đây là kiểu đơn giản, tự nhiên nhất, phù hợp với người mới tập. Sau khi bay ở tư thế “bước bộ” trên không được 1/3 – 1/2 cự ly, VĐV kéo chân giậm lên song song với chân ở phía trước (chân lăng) và nâng 2 đùi lên sát ngực. - Ở tư thế này, thân trên không nên gập nhiều về trước. Tiếp đó, trước khi rơi xuống hố cát 2 chân hầu như được duỗi thẳng hoàn toàn đồng thời 2 cánh tay đánh thẳng xuống dưới – về trước và ra sau. Động tác có tính chất bù trừ này tạo điều kiện tốt cho việc duỗi thẳng chân trước khi rơi xuống và giữ thăng bằng. III. Rơi xuống cát (giai đoạn tiếp đất): - Để đạt được độ xa của lần nhảy, việc thực hiện đúng kỹ thuật rơi xuống cát có ý nghĩa rất lớn. - Không ít VĐV do có kỹ thuật này kém nên đã không đạt được thành tích tốt nhất của mình.

	- Trong tất cả các kiểu nhảy, việc thu chân chuẩn bị rơi xuống cát được bắt đầu khi tổng trọng tâm cơ thể ở cách mặt cát ngang với mức khi họ kết thúc giậm nhảy. Để chuẩn bị cho việc rơi xuống cát, đầu tiên cần nâng đùi, đưa 2 đầu gối lên sát ngực và gập thân trên nhiều về trước. Cẳng chân lúc này được hạ xuống dưới, hai tay chuyển từ trên cao ra phía trước. - Tiếp đó là duỗi chân, nâng cẳng chân để gót chân chỉ thấp hơn mông một chút. Thân trên lúc này không nên gập về trước quá nhiều vì sẽ gây khó khăn cho việc nâng chân lên cao. Tay lúc này hơi gập ở khuỷu và được hạ xuống theo hướng xuống dưới và ra sau. - Sau khi 2 gót chân chạm cát cần gập chân ở khớp gối để giảm chấn động và tạo điều kiện chuyển trọng tâm cơ thể xuống dưới – ra trước vượt qua điểm chạm cát của gót. Thân trên lúc này cũng cố gập về trước để giúp không đồ người về sau làm ảnh hưởng đến thành tích. III. Những sai lầm thường mắc phải khi thực hiện giai đoạn trên không tiếp đất - Không thực hiện được tư thế bước bộ trên không. - Thu chân, tạo tư thế kiểu ngồi xổm chậm không tích cực. - Không nâng được đùi và cẳng chân ra trước. - Tư thế bị ngã ra sau khi tiếp đất. IV. Một số bài tập bổ trợ khắc phục sai lầm khi thực hiện giai đoạn trên không và tiếp đất. Bài 1 : chạy đà 1,3,5 bước đà giậm nhảy bước bộ trên không (thực hiện nhiều lần). Bài 2 : bật cao thu gối tại chỗ. Bài 3 : chạy đà 1, 3, 5 bước giậm nhảy thu gối tiếp đất bằng 2 chân. Bài 4 : bật xa tại chỗ nhiều lần. Bài 5 : tập các bài tập phát triển sức mạnh cải thiện thành tích.
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	Ôn lại các kiến thức về kỹ thuật giai đoạn trên không và giai đoạn tiếp đất.

ÂM NHẠC KHỐI 8 TUẦN 8

Kiểm tra giữa kỳ

ÂM NHẠC KHỐI 8 TUẦN 9

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 8	Tiết 9: nhạc lí: giọng song song, giọng La thứ hòa thanh Tập đọc nhạc số 3 Hảy hát chú chim nhỏ hay hát
HD 1: HỌC BÀI TĐN Số 1: “Chiếc đèn ông sao”: HS ghi chép bài và theo dõi hướng dẫn của GV	- Học sinh theo dõi clip bài TĐN và học hát theo đường link: https://youtu.be/VM-8rOkyWNI - Học sinh chép bài vào vở các phần sau I. Giọng song song, giọng La thứ hoà thanh: 1. Giọng song song - Giọng đô trưởng:  - Giọng la thứ:  Giọng đô trưởng và la thứ có cùng hòa biểu (không thăng, không giáng) gọi là hai giọng song song

	2. Giọng la thứ hòa thanh - Giọng la thứ tự nhiên:  - Giọng la thứ hòa thanh:  I II III IV V VI VII (I) Giọng la thứ hòa thanh nốt sol tăng lên $\frac{1}{2}$ cung. Giọng la thứ hòa thanh là giọng thứ có âm bậc VII tăng lên $\frac{1}{2}$ cung so với giọng la thứ tự nhiên. II. Tập đọc nhạc số 3: Hãy hát chú chim nhỏ hay hát:  Vừa phải Nhạc: Ba Lan Đặt lời: Anh Hoàng Hãy hát chú chim nhỏ hay hát, hãy cao lời hát bay theo từng đám mây xanh. Hãy hát chú chim nhỏ hay hát, ta cùng chào đón kia nắng ban mai. *Nhận xét TĐN số 3: - Bài đọc nhạc viết ở nhịp $\frac{3}{4}$, giọng la thứ hoà thanh (có nốt Son tăng). - Hai nhịp đầu của câu nhạc thứ 1 và câu nhạc thứ 2 hoàn toàn giống nhau.
HD 2: KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH TỰ HỌC	- Tìm hiểu nội dung bài và trả lời các câu hỏi sau: ? Tên bài TĐN số 3 và tác giả ? Viết ở nhịp mấy, giọng gì? ? Nội dung của bài TĐN số 3
HD3: THỰC HÀNH	- Xướng âm và hát lời bài TĐN số 3 “Hãy hát, chú chim nhỏ hay hát” kết hợp đánh nhịp: https://youtu.be/VM-8rOkyWNI * Lưu ý: các em thể hiện bài TĐN số 3 xướng âm đúng tên nốt và thuộc lời bài TĐN số 3, kết hợp đánh nhịp theo lời ca.

MỸ THUẬT KHỐI 8 TUẦN 8

NỘI DUNG	GHI CHÚ
	Bài học: Vẽ tranh – NGÀY NHÀ GIÁO VIỆT NAM 20/11
Hoạt động 1: TÌM HIỂU BÀI	I. Tìm và chọn nội dung đề tài - Học sinh tặng hoa thầy giáo, cô giáo. - Những hoạt động thể thao văn nghệ chào mừng ngày 20- 11. - Vẽ chân dung thầy giáo, cô giáo... II. Cách vẽ: - Tìm và chọn nội dung đề tài. - Tìm bố cục (phân chia mảng chính, mảng phụ) - Tìm hình đặt vào mảng. - Vẽ màu.
Hoạt động 2: THỰC HÀNH BÀI VẼ	BÀI TẬP: - Vẽ một bức tranh đề tài ngày 20/11.

BÀI THAM KHẢO.



MỸ THUẬT KHỐI 8 TUẦN 9+10

NỘI DUNG	GHI CHÚ											
	KIỂM TRA GIỮA KÌ HỌC KÌ I – NĂM HỌC 2021- 2022. MÔN: MĨ THUẬT - KHỐI 6, 7, 8. Thời gian làm bài: 90 phút.											
Hoạt động 1: XEM ĐỀ KIỂM TRA	I. ĐỀ KIỂM TRA KHỐI 6,7, 8: - Vẽ tranh “Đề tài tự chọn”. II. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BÀI VẼ: ✓ Khối 6: dựa theo bài vẽ tranh in hoa, lá hoặc bài vẽ tranh phong cảnh. ✓ Khối 7: dựa theo bài vẽ tranh đề tài - Cuộc sống quanh em. ✓ Khối 8: dựa theo bài vẽ tranh đề tài tự chọn.											
Hoạt động 2: THỰC HÀNH BÀI KIỂM TRA	YÊU CẦU CẦN ĐẠT <table><tr><th colspan="4">Các tiêu chí tính điểm</th></tr><tr><td>1.</td><td>Nội dung</td><td>Đạt</td><td>Tranh vẽ thể hiện rõ nội dung chủ đề, có ý nghĩa.</td></tr></table>				Các tiêu chí tính điểm				1.	Nội dung	Đạt	Tranh vẽ thể hiện rõ nội dung chủ đề, có ý nghĩa.
Các tiêu chí tính điểm												
1.	Nội dung	Đạt	Tranh vẽ thể hiện rõ nội dung chủ đề, có ý nghĩa.									

	2.	Bố cục	Đạt	Tranh vẽ có bố cục rõ ràng, thể hiện rõ hình ảnh chính và phụ trong tranh.
	3.	Màu sắc	Đạt	Màu sắc thể hiện phù hợp nội dung đề tài, có chính có phụ, vẽ màu sạch đẹp (Có thể diễn tả gam màu chung nóng hay lạnh).
	4.	Đường nét	Đạt	Đường nét rõ ràng, dứt khoát, thể hiện tình cảm trong tranh.
	5.	Sáng tạo	Đạt	Tác phẩm thể hiện sự sáng tạo mới lạ, không sao chép.
	Nhận xét : tổng số 5/10 điểm là Đạt.			

CÔNG NGHỆ KHỐI 8 TUẦN 8

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 8	ÔN TẬP KIỂM TRA ĐỊNH KỲ HỌC KỲ I
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	Câu 1: Khi chiếu một vật thể lên một mặt phẳng, hình nhận được trên mặt phẳng đó gọi là hình chiếu của vật thể Câu 2: Hình chiếu đứng có hướng chiếu từ trước tới, hình chiếu bằng có hướng chiếu từ trên xuống, hình chiếu cạnh có hướng chiếu từ trái sang. Câu 3: Có 3 hình chiếu vuông góc: Hình chiếu đứng, hình chiếu bằng, hình chiếu cạnh Câu 4: Vị trí hình chiếu: Hình chiếu bằng vẽ dưới hình chiếu đứng, hình chiếu cạnh vẽ bên phải hình chiếu đứng. Câu 5: Đối với hình hộp, lăng trụ, hình chóp thường dùng hai hình chiếu để biểu diễn hình dạng + kích thước của vật thể và mặt bên + chiều cao của vật thể Câu 6: Hình chóp đều có các mặt bên là các tam giác đều. Câu 7: Hình nón có hình chiếu bằng là hình gì? Câu 8: Kể tên một số đồ vật có dạng tròn xoay Câu 9: Hình chiếu đứng của hình cầu là hình gì?

	Câu 10: Khi quay tam giác vuông một vòng quanh một cạnh góc vuông cố định, ta được gì? Câu 11: Khi quay hình chữ nhật một vòng quanh một cạnh cố định, ta được hình gì? Câu 12: Hình chiếu đứng của hình trụ là hình gì? Câu 13: Hình cắt dùng để diễn tả kết cấu bên trong của vật thể. Câu 14: Trên BVKT, hình cắt được kí hiệu bằng nét gạch gạch (gạch chéo) Câu 15: Trình tự đọc bản vẽ chi tiết: Khung tên → hình biểu diễn → kích thước → yêu cầu kỹ thuật → tổng hợp. Câu 16: Đơn vị đo kích thước trên BVKT là gì? Câu 17: Trên BVKT, đường đỉnh ren của ren ngoài (ren trục) được vẽ như thế nào? Câu 18: Nội dung của bản vẽ lắp: Hình biểu diễn – kích thước – bảng kê – khung tên Câu 19: Trên BVKT, đường chân ren của ren trong (ren lỗ) được vẽ như thế nào? Câu 20: Đối với khối tròn xoay, người ta thường dùng hai hình chiếu để thể hiện mặt bên + chiều cao, hình dạng + đường kính mặt đáy.
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i>	Học sinh học câu hỏi ôn tập

CÔNG NGHỆ KHỐI 8 TUẦN 9

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 8	SỬA BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KỲ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ I
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	Sửa bài kiểm tra Nhận xét, đánh giá giữa kỳ I

MÔN TIẾNG PHÁP KHỐI 8 TUẦN 8

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tiết 1 <u>Phân hoạt động hình thành kiến thức</u> Hoạt động 1: Nhắc lại khái niệm GN đã học. - HS quan sát và nghe GV phân tích các ví dụ . Hoạt động 2: - GV vào nội dung chính của bài	Les accords dans le groupe nominal I/ Définition du groupe nominal 1) Le groupe nominal (appelé aussi GN) est un ensemble de mots assemblés autour d'un nom propre ou commun. 2) Construction du groupe nominal a/ Le Groupe Nominal se compose de minimum un déterminant et un nom (Groupe Nominal minimal). Le déterminant indique le genre et le nombre du nom. Ex : un ordinateur – des dinosaures – la mission b/ Le Groupe Nominal peut aussi se composer d'un déterminant et d'un nom + des expansions (un ou plusieurs adjectifs et/ou un complément du nom et/ou une proposition subordonnée relative). Ex : - Un gros reptile volant - Des fines plumes de ptéranodon - Le petit chat blanc qui voyage sur mon épaule - La petite Lucie déguisée Remarque - Parfois, il peut y avoir plusieurs noms dans un même Groupe Nominal. Dans tous les cas, le nom principal est le noyau du Groupe Nominal. Ex : Un petit badge et une belle couronne sont offerts. 3) Les fonctions du Groupe Nominal a/ Le Groupe Nominal peut être sujet. Ex : Un gros morceau de bois est tombé. b/ Le Groupe Nominal peut être COD/COI. Ex : - J'ai fabriqué un bouclier solide. (COD) - Tu te souviens de cette histoire incroyable ? (COI) c/ Le Groupe Nominal peut être Complément Circonstanciel de lieu (CCL) ou de temps (CCT) Ex : - Il s'est perdu dans la forêt de Kaju. (CCL) - Après le coucher du soleil, tous les animaux s'endorment. (CCT) d/ Le Groupe Nominal peut être Complément du Nom. Ex : - J'ai éloigné la tempête grâce à un bon coup de vent magique. II/ L'accord du groupe nominal sujet et du verbe Le groupe nominal sujet « <u>commande</u> » le verbe. Il le fait varier. On dit que <u>le verbe</u>

Exception : Les couleurs rose, mauve, fauve, pourpre et écarlate s'accordent.

Exemple : Des livres roses, des habits mauves.

Les adjectifs de couleur composés sont aussi invariables.

Exemple : Une mer bleu clair, des feuilles vert foncé.

Les autres adjectifs qui qualifient une couleur s'accordent.

Exemple : Des crayons jaunes, une peau blanche.

-Du participe passé : Avec l'**auxiliaire avoir**, les participes passés ne s'accordent jamais avec le sujet mais il s'accorde avec le COD si celui-ci est placé avant l'auxiliaire.

Exemple : Les serveuses ont apporté des boissons aux clients.

Avec l'**auxiliaire être**, le participe passé s'accorde en genre et en nombre avec le sujet.

Exemple : Les serveuses sont allées apporter des boissons aux clients.

EXERCICES

1/ Choisissez la bonne réponse :

1. Léa et Camille du vélo.

2. Ces immeubles sont en feu.

3. Ces photocopieuses ne marchent pas !

4. Les cahiers sont à ramasser.

5. Ces machines sont pour faire ça.

6. Lucile et Fabienne ont les livres.

7. Ces caves me font peur.

8. Elles ont tout !

9. Les quatre téléphones en même temps !

10. Elle se .

Hoạt động 4:
Hướng dẫn
sửa bài

*** HƯỚNG**
DẪN VỀ
NHÀ

2/Conjuguez des verbes (faites l'accord du G.N sujet et verbe)

1. Pascal et Hervé (se préparer)..... pour aller à l'entraînement de rugby.

2. Le chaton, que Julien vient de recueillir, (dormir)..... dans sa chaussure.

3. Les professeurs (se réunir)..... ce soir en conseil.

4. Au fond du jardin (chanter)..... le rossignol.

5. Quand maman fait les courses, je l'(attendre)..... au rayon des bandes dessinées

6. La voiture de mon père est chez le garagiste, elle (être)..... en panne.

7. Chloé et ses camarades (avoir)..... rendez-vous avec le directeur.

8. Ceux qui ne (manger)..... pas de soupe grandiront quand même.

9. Sur le carrelage du séjour (se reposer) la chienne.

10. Jacques et Vincent n'(écouter)..... pas les conseils de leur professeur.

3/ Accordez correctement ces GN

- a) . des auditrice dubitatif →
- b). de grosses chèvres noires
→
- c). des traductrice fatigué
→
- d). les fille de Paul
→
- e). quelques épicière bedonnante
→
- f). les plongeuse anglaise qui sont qualifié pour la finale
→
- g). cette gardienne tuberculeuse
→
- h). tes alliées espagnol
→
- i). quelques étudiante passif
→
- j). leurs gross vache noir
→
- k). des spectatrice japonaise qui sont sélectionnées pour un jeu télévisé
→
- l). la petit nièce de François
→
- m). cette vieilles chouette grises
→
- n). les menteuse professionnelle
→
- o). ces habile couturière au doigt de fée
→
- p). ses amoureuse grecques
→

4/ Même exercice .

- a) Heidi est fière de ses brillant résultat.
→
- b) Tu cherche un itinéraire possible.
→
- c) Xavier possède plusieurs collection de timbre.
→
- d)Des célèbre skieur acrobatique ont fait de superbe numéro.
→
- e)Une vieil agriculteur breton a parlé à la télé.
→
- f) C'est une joueur débutant mais passionné.

	→ g) Les séjour agréable et reposant sont proposés. → h) J'ai trouvé sa réaction curieux. → i) Il y avait d'immense forêt de sapin. → j) Des fragile bibelot bien encombrant sont posés sur les vieux meubles. → k) C'est une vieil locomotive à vapeur. → l) Les maison hanté n'existent pas → *Hướng dẫn học bài : - Đọc phần ghi nhớ các dạng accord của GN. - Làm các bài tập còn lại trong tập . *Hướng dẫn chuẩn bị bài mới: - Xem lại các pronoms COD/ COI, relatif , chia động từ P.C/ Imparfait chuẩn bị ôn tập để kiểm tra GKI .
--	---

MÔN TIẾNG PHÁP KHỐI 8 TUẦN 9

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<u>Tiết 1</u> <u>Phân hoạt động hình thành kiến thức</u> Hoạt động 1: - Nhắc lại các giai đoạn cần có trong một bài kể chuyện. - Giáo viên bổ sung thêm các lưu ý cách dùng các động từ ở các thì khác nhau.	RÉCIT DE SOUVENIR *Faire une rédaction sur les récits de vie (à partir d'une expérience personnelle) en respectant ce sont des critères - la première partie correspond à la situation initiale qui donne le plus de renseignement possible : qui, où , avec qui , dans quelles circonstances , dans quelles but... - les faits sont ensuite rapportes en plusieurs paragraphe le plus souvent en suivant un ordre chronologique enchaînez les paragraphes par des adverbes varies : ensuite , puis , alors, néanmoins, enfin , etc - on termine en général par quelques lignes qui ferment le récit et qui constituent la situation final * Deux points de vue narratif : - récit a la première personne (je) : les faits sont vécu par le narrateur - récit a la troisième personne : le narrateur n'apparaît pas directement - un récit peut s'inscrire : dans un système ou le présent est le temps de référence les événements passés sont rapportés au passé composé , les actions de venir au futur - dans un système qui prend comme point de référence un moment coupe du présent du narrateur les verbes sont surtout au passé simple pour les actions de premier plan à l'imparfait pour l'arrière plan (décor, réflexion) * Vous pouvez enrichir un récit par des passages : - de dialogue - de description - d'analyse de sentiments

Tiết 2**Hoạt động 2:
Hướng dẫn HS
các mẫu câu**

-d'argumentations

Exemple : raconter un souvenir d'enfance

L'enfance est souvent la période favorite de notre vie. Pour **raconter un souvenir d'enfance** passé, voici une liste d'**expressions** et de phrases en français très utiles.

Phrases pour apprendre à raconter un souvenir d'enfance en français :

- ☐ Quand j'étais petite, je jouais aux Barbies et aux poupées...
- ☐ Quand j'étais petite, je dessinais beaucoup, je faisais des concours de dessins, je chantais tout le temps.
- ☐ Des souvenirs d'enfance, j'en ai beaucoup. Mais il y en a un dont je me souviens très bien. J'avais alors quatre ans et demi.
- ☐ Je m'appelle, j'ai maintenant ans. Je vais vous raconter un de mes souvenirs. Cela s'est passé il y a ans. Quand j'avais dix ans.
- ☐ Je vais vous conter un de mes souvenirs, un de mes souvenirs que je n'arrive pas à oublier.
- ☐ Tous les jours, je jouais avec mon frère et je faisais mes devoirs après le dîner.
- ☐ Nous partions en vacances tous les étés.
- ☐ J'écoutais de la musique dans ma chambre.
- ☐ Je parlais tout le temps en classe.
- ☐ Je finissais toujours mon assiette.
- ☐ Je regardais la télévision avec ma sœur.
- ☐ J'écrivais une lettre à vos grands-parents.
- ☐ J'aimais lire des contes et fables...
- ☐ J'étais très sensible ...
- ☐ J'étais calme/nerveux (nerveuse) ...
- ☐ J'étais affectueux (affectueuse) / ...
- ☐ J'avais peur du noir/ ...
- ☐ Je faisais des bêtises/
- ☐ Je pleurais facilement/
- ☐ Je buvais du lait /
- ☐ J'aimais les animaux/
- ☐ Je grimpais aux arbres/
- ☐ Je faisais des cauchemars/
- ☐ Je travaillais bien/mal à l'école ...
- ☐ Quand j'avais douze ans, j'avais l'habitude d'aller jouer au foot avec mes amis.
- ☐ Une belle journée d'été, mes frères et moi décidons d'aller pêcher au Lac.
- ☐ Je suis allée dans le bois avec ma sœur pour voir s'il y avait des perdrix. Il y en avait, mais nous n'avons pas réussi à en tuer.
- ☐ J'étais plus heureuse quand je voyais les vaches, les charrettes, quand j'écoutais les hurlements des hyènes...
- ☐ Quand j'étais petite, j'aimais beaucoup nager. Lorsqu'il faisait froid, mes amis et moi, on s'asseyait sous un arbre pour se réchauffer après la baignade.
- ☐ C'est comme ça qu'on a passé notre enfance. On s'imaginait devenir des mères, on choisissait des prénoms pour nos enfants.
- ☐ Au lever du soleil, on conduisait les vaches vers des prés pour qu'ils broutent et, au coucher du soleil, on rentrait chez nous.
- ☐ Nous, les enfants, jouions à cache-cache. On grimpait sur les arbres. Ce qui nous amusait le plus, c'était de nous baigner dans cette eau bouillante.

Exemple n°1 d'une production écrite : Souvenir d'enfance :

Des souvenirs d'enfance, j'en ai beaucoup. Mais il y en a un dont je me souviens très bien. J'avais alors 7 ans et demi. J'ai souvenir des cauchemars que j'avais. Durant le jour, j'admirais ces hippopotames qui bâillaient, la bouche bien ouverte, et le soir je rêvais que quelqu'un me jetait là-dedans. Ce souvenir est, je crois, le plus pénible de mes souvenirs d'enfance.

Exemple : raconter un souvenir de vacances ou de voyages

C'est enfin **les vacances** ! Que l'on soit plutôt lézard à se dorer la pilule sur la plage, un cocktail à la main ou alors accro aux visites et au sport, **les vacances** sont souvent notre période favorite de l'année, celle que l'on attend avec le plus d'impatience. Pour **raconter un souvenir de vacances** ou **de voyages** passés ou pour s'enthousiasmer sur ceux à venir, voici une liste d'expressions et de phrases en français très utiles.

Phrases pour apprendre à raconter un souvenir de vacances ou de voyages :

- Quand j'ai eu 9 ans, mes parents m'ont laissée un été dans un centre aéré avec mon petit frère.
- Tous les étés, j'allais en vacances dans la maisons de campagne de mes grands-parents.
- J'en garde dans ma mémoire une trace indélébile, une carte postale joyeuse .
- Je devais avoir 7 ans et cet été là, on est partiavec mes parents.
- Cette année j'ai passé mes vacances dans ma ville natale en.....
- Il y a un grande espace pour se promener, se reposer sur les marches, regarder la fontaine.
- Mes amis m'ont notamment fait découvrir une randonnée au cœur de la montagne
- J'aime vraiment passer mes vacances d'été au bord de la mer
- Quand le temps est beau, nous allons toujours nous baigner.
- Chaque année, je pars au moins une semaine en août au bord de la mer.
- Nous avons profité de chaque jour des vacances, autant les matins, que les après-midis.
- Nous avons profité des lacs, avec la chaleur des journées d'été. Grâce à toutes les activités que nous avons faites pendant cette semaine d'août, j'ai découvert les plaisirs des vacances à la montagne
- J'adore partir en vacances a l'étranger. L'année dernière je suis allé en France avec ma mère pendant le mois de juin.
- L'année prochaine, je voudrais aller trois semaines.....
- Les vacances dernières ont été les meilleures pour moi. Je suis allée..... J'y suis partie avec ma famille et nous avons voyagé en avion.
- Nous avons restés deux semaines dans mon ancienne maisonet nous avons rendu visite à nos parents et toute la famille.
- Nous avons logé dans un hôtel qui a coûtépar nuit.
- Je préfère passer mes vacances au bord de la mer parce que j'aime la mer et la plage.
- C'était fatigant et nous avons mangé des plats cuisinés tous les jours, j'ai détesté les pizzas ou les repas chinois...
- Je voudrais y revenir un jour, C'était fantastique.
- Pour mes vacances d'été, ma famille et moi sommes allés en territoire.....
- Depuis des années, je passe toujours une partie des mes vacances.....
- Je vais vous décrire mes vacances formidables.
- J'adore l'été. J'irai au camp de jourfaire des activités comme allerou aux glissades d'eau.
- Je vais allerpour jouer et avoir du plaisir avec ma famille.
- Je vais à la garderie de ma mère. Je vais aider ma mère à garder les enfants.
- Le samedi et dimanche je vais à la piscineJe saute, je nage et je fais des courses avec mon frère.
- Nous allons aussi faire des beaux pique-niques.

Exemple n°1 de production écrite - Souvenir de vacances :

Un jour, ma famille a décidé de partir en vacancesC'était une aventure ! D'abord, on a visité C'était magnifique ! Ensuite, on est partispour voir....., c'était mon idée, j'adore..... Après la randonnée....., on voulait manger/ goûter..... Enfin, on a fait une photo tous ensemble. C'est pour moi un excellent souvenir de vacances.

Exemple n°2 de production écrite - Souvenir de vacances :

Tiết 3 Hoạt động 3: - HS làm bài KTGKI * HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ	<i>Pendant les vacances de fin d'année, je suis allé avec ma famille chez mon oncle qui habite dans un petit villageNous avons fait de longues promenades de deux à trois heures jusqu'à des lacs montagnards où nous mangions avec le plus grand plaisir. De retour à la maison, pendant que ma petite sœur, faisait la sieste, nous jouions aux échecs et au mille bornes jusqu'au goûter. Ensuite, pendant que Maman faisait de la cuisine, je jouais avec ma sœur en lui édifiant des montagnes de coussins. Le soir venu, nous allions au restaurant pour ensuite s'endormir dans notre lit superposé...Le lendemain, après un copieux petit-déjeuner, nous allions à la piscine de luxe du village où l'on pouvait faire du toboggan, des longueurs et se prélasser dans le jacuzzi. Bien que j'aurais préféré rester,c'est tout de même avec une joie immense que je retrouvais ma maison après six heures de route à travers la montagne.</i> - CONNAISSANCES LINGUISTIQUES - COMPRÉHENSION ÉCRITE *Hướng dẫn học bài : -Đọc phần ghi nhớ cách viết văn. - Xem các câu mẫu , chọn lọc câu phù hợp với bài văn của mình. *Hướng dẫn chuẩn bị bài mới: - Chuẩn bị làm bài viết.
---	---